

Số: **34** /TB-CNTS-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2021

THƯ MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi: Các Quý vị Cổ đông Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản

Căn cứ Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản tại ngày đăng ký cuối cùng (**ngày 29/4/2021**) để thực hiện quyền bỏ phiếu tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh lập và cung cấp;

Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản xin trân trọng Thông báo đến các Quý vị cổ đông của Công ty về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, với các nội dung chi tiết như sau:

- 1. Thời gian:** Vào lúc **08 giờ 30 phút ngày 29/4/2021**.
- 2. Địa điểm:** Số 244 Bùi Văn Ba, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM.
- 3. Thành phần:**
 - Các Quý cổ đông có tên trong danh sách người sở hữu Chứng khoán của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản được lập tại thời điểm chốt ngày đăng ký cuối cùng (**ngày 29/3/2021**) do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh lập.
 - Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty.
- 4. Nội dung chương trình tổ chức dự kiến thảo luận và thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông năm 2021, gồm:**
 - a. Báo cáo của Hội đồng Quản trị Công ty về kết quả hoạt động năm 2020 và định hướng kế hoạch hoạt động năm 2021.
 - b. Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2020.
 - c. Các Tờ trình thông qua tại Đại hội đồng cổ đông, gồm;
 - + Tờ trình v/v thông qua Báo cáo Tài chính kiểm toán của Công ty năm 2020;
 - + Tờ trình v/v thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021;
 - + Tờ trình v/v thông qua Báo cáo chi trả tiền thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch chi trả tiền thù lao HĐQT, BKS năm 2021;
 - + Tờ trình v/v ĐHCĐ thường niên năm 2021 Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2021 trên cơ sở đề xuất của BKS công ty;

- + Tờ trình v/v thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- + Tờ trình v/v thông qua Quy chế Quản trị nội bộ của Công ty;
- + Tờ trình v/v thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty;
- + Tờ trình v/v thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty.
- + Tờ trình v/v thông qua miễn nhiệm và bầu bổ sung 01 thành viên BKS nhiệm kỳ 2019-2023

đ) Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (nếu có).

5. Đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021:

Để công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, Quý cổ đông tham dự họp Đại hội vui lòng xác nhận tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội đăng ký với **Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản qua mẫu Giấy ủy quyền / Xác nhận tham dự ĐHĐCĐ 2021** (đính kèm thư mời họp).

Khi đến tham dự Đại hội, Quý cổ đông hoặc người được ủy quyền vui lòng mang theo Thư mời, Giấy ủy quyền (bản chính), CMND (hoặc giấy tờ tùy thân khác)

Các tài liệu liên quan đến nội dung của Đại hội sẽ được đăng tải trên website <http://www.seameco.com.vn> kể từ **ngày 07/4/2021**.

Trong trường hợp Quý vị cổ đông không nhận được Thư mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 mà Công ty gửi cho Quý vị cổ đông theo địa chỉ do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thì Thông báo này thay cho Thư mời họp.

Rất hân hạnh đón tiếp Quý cổ đông.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS Cty;
- Các phòng ban;
- Lưu: VT, Thư ký Cty.



Trần Hữu Hạnh

***** Trường hợp Quý cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự họp và biểu quyết tại Đại hội, vui lòng điền đầy đủ thông tin vào Giấy ủy quyền / xác nhận tham dự ĐHĐCĐ 2021 cho Công ty hoặc bằng điện thoại, fax hoặc email, theo thông tin liên hệ sau:**

- Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản
- Địa chỉ: Số 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM.
- Điện thoại: 028.38729751 Fax: 028.38729749 – 028.38727181
- Người liên hệ: Chị An – 090 808 5169 Email: lehaian@seameco.com.vn

Tp.HCM, ngày 07 tháng 4 năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN
TỔ CHỨC NGÀY 29/4/2021

- Thời gian: vào lúc **08 giờ 30 phút, ngày 29 tháng 4 năm 2021**
- Địa điểm: Số 244 Bùi Văn Ba, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM.

Stt	Nội dung	Thực hiện	Thời gian
	Đón khách, kiểm tra tư cách cổ đông và phát tài liệu cho cổ đông.	Ban tổ chức	
I	THỦ TỤC KHAI MẠC ĐẠI HỘI		08h 30'
1	Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự - Tài liệu tham khảo	Ban tổ chức	
2	Kiểm tra đủ điều kiện tổ chức Đại hội	Ban tổ chức	
3	Giới thiệu và thông qua:		
3.1	Giới thiệu và bầu chủ tọa đoàn, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu	Ban tổ chức	
3.2	Thông qua chương trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.	Chủ tọa đoàn	
3.3	Thông qua Quy chế làm việc thể lệ biểu quyết tại Đại hội.	Nt	
II	NỘI DUNG DỰ KIẾN TRÌNH TẠI ĐẠI HỘI		9h 00'
1	Báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và phương hướng kế hoạch nhiệm vụ năm 2021 của Hội đồng quản trị	Chủ tọa đoàn (HĐQT)	
2	Báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 của Ban kiểm soát	BKS	
3	Thông qua các Tờ trình :	Chủ tọa đoàn	
3.1	Tờ trình v/v thông qua Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty;		
3.2	Tờ trình v/v thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty;		

3.3	<i>Tờ trình v/v ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 ủy quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2021 trên cơ sở đề xuất của BKS công ty;</i>		
3.4	<i>Tờ trình v/v thông qua Báo cáo thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch chi trả Thù lao HĐQT, BKS năm 2021;</i>		
3.5	<i>Tờ trình v/v thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;</i>		
3.6	<i>Tờ trình v/v thông qua Quy chế Quản trị nội bộ của Công ty;</i>		
3.7	<i>Tờ trình v/v thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty;</i>		
3.8	<i>Tờ trình v/v thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty;</i>		
3.9	<i>Tờ trình về việc thông qua miễn nhiệm và bầu bổ sung 01 thành viên BKS nhiệm kỳ 2019-2023 (đính kèm đơn từ nhiệm của bà Vũ Thị Hồng Gấm)</i>		
4	Thông qua các nội dung khác (nếu có)	Chủ tọa đoàn	
5	Đại hội thảo luận.	Đại hội	
6	Đại hội tiến hành bỏ phiếu Biểu quyết từng nội dung cần thông qua.	Đại hội	
7	Thông qua Quy chế bầu cử	Ban kiểm phiếu	
8	Bỏ phiếu bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2019-2023		
9	Nghỉ giải lao và kiểm phiếu.	Ban kiểm phiếu	
III	TỔNG KẾT ĐẠI HỘI		11h 00'
1	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết thông qua và kết quả bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2019-2023	Ban kiểm phiếu	
2	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.	Ban thư ký	
3	Bế mạc Đại hội.	Chủ tọa	

** Ghi chú: Theo quyết định của chủ tọa Đại hội, thứ tự tiết mục; nội dung và thời lượng chương trình trên có thể thay đổi tùy theo diễn tiến Đại hội.*

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2021

Dự thảo

**QUY CHẾ LÀM VIỆC VÀ THỂ LỆ BIỂU QUYẾT
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản;

Nhằm mục đích đảm bảo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 được diễn ra theo đúng quy định và thành công tốt đẹp, Ban tổ chức Đại hội xây dựng Quy chế làm việc và thể lệ Biểu quyết của Đại hội, với các quy định như sau:

Điều 1. Nguyên tắc làm việc của Đại hội

1. Đảm bảo nguyên tắc làm việc công khai, công bằng, dân chủ.
2. Tất cả vì quyền lợi của cổ đông SEAMECO.

Điều 2. Điều kiện tham dự Đại hội

Cổ đông SEAMECO có tên trong danh sách cổ đông chốt đến **ngày 29/3/2021** do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh cung cấp, có quyền trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự và thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Điều 3. Điều kiện để Đại hội được tiến hành:

1. Khi có số cổ đông dự họp đại diện **ít nhất 51%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của SEAMECO.
2. Cổ đông được bố trí đầy đủ chỗ ngồi thuận tiện để tham dự Đại hội.

Điều 4. Trật tự của Đại hội

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội ăn mặc lịch sự, trang nhã.
2. Cổ đông khi tham dự ngồi đúng vị trí, khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định.
3. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
4. Không nói chuyện riêng và để chuông điện thoại di động ở chế độ im lặng trong suốt thời gian diễn ra Đại hội.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền

1. Được biểu quyết tất cả các vấn đề của Đại hội theo quy định của Điều lệ SEAMECO và theo quy định của pháp luật.
2. Để được tham dự Đại hội, mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền phải mang theo thư mời, chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân khác và giấy ủy quyền (nếu là người được ủy quyền) xuất trình cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông để đăng ký tham dự Đại hội.
3. Cổ đông đến dự họp muộn có quyền đăng ký tham dự họp và có quyền biểu quyết các nội dung tiếp theo tại Đại hội. Chủ tọa đoàn không được dừng cuộc họp để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.
4. Cổ đông có quyền phát biểu ý kiến trực tiếp hoặc đóng góp ý kiến bằng văn bản và gửi cho Ban tổ chức Đại hội để giải quyết, ý kiến đóng góp bằng văn bản có giá trị như ý kiến phát biểu trực tiếp tại Đại hội.
5. Tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa đoàn; không gây rối, gây mất trật tự trong Đại hội.
6. Khi làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội, cổ đông được quyền nhận đầy đủ các phiếu biểu quyết để tham gia biểu quyết tất cả các vấn đề của Đại hội, để đảm bảo tỷ lệ phiếu biểu quyết, trong quá trình diễn ra đại hội, cổ đông hạn chế ra ngoài, trong trường hợp cổ đông có nhu cầu ra ngoài hoặc về sớm không trực tiếp tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền thì cổ đông phải thông báo với Ban tổ chức Đại hội và coi như số phiếu đó tán thành và hợp lệ.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban tổ chức Đại hội:

1. Kiểm tra tư cách và kiểm tra tỷ lệ cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự họp;
2. Kiểm tra chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân khác, giấy mời, giấy ủy quyền (nếu có) của các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông đến dự họp;
3. Phát phiếu biểu quyết và tài liệu cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông;
4. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tỷ lệ cổ đông tham dự Đại hội.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa đoàn; Ban thư ký và Ban kiểm phiếu Đại hội

1. **Chủ tọa đoàn:** gồm từ 02 đến 03 người, bao gồm 01 Chủ tịch và từ 01 đến 02 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa đoàn có nghĩa vụ:

- a) Điều khiển đại hội theo đúng chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - b) Hướng dẫn Quý cổ đông Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - c) Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - d) Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - e) Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
 - f) Có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
 - (i) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - (ii) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- 2. Ban thư ký:** gồm 02 người do Chủ tọa đoàn giới thiệu và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết tín nhiệm. Ban thư ký chịu trách nhiệm trước Chủ tọa đoàn, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của chủ tọa đoàn với nhiệm vụ sau:
- a) Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến của Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua kể cả các vấn đề còn bảo lưu tại Đại hội;
 - b) Tiếp nhận phiếu đóng góp ý kiến của cổ đông và kịp thời báo cáo cho Chủ tọa đoàn xem xét giải trình cho cổ đông;
 - c) Soạn thảo và báo cáo cho Đại hội nội dung biên bản cuộc họp trước khi bế mạc Đại hội;
 - d) Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội;
 - e) Thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa đoàn.
- 3. Ban kiểm phiếu:** Gồm 03 người, bao gồm 01 Tổ trưởng và 02 thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết tín nhiệm, có nghĩa vụ:
- a) Thông báo Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Hướng dẫn công khai cho cổ đông cách thức biểu quyết các nội dung cần biểu quyết tại Đại hội;
 - a) Tiến hành kiểm đếm phiếu biểu quyết, tổng hợp và công bố kết quả biểu quyết của từng vấn đề;

Điều 8. Phiếu biểu quyết và hình thức biểu quyết, điều kiện thông qua Nghị quyết tại Đại hội:

1. Phiếu biểu quyết tại Đại hội gồm 03 loại:

a) **Thẻ biểu quyết (màu trắng)** để thông qua các nội dung sau:

- Thông qua Chương trình Hội Đại hội đồng cổ đông;
- Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội;
- Thông qua việc Bầu ban thư ký, ban kiểm phiếu của Đại hội;
- Thông qua Biên bản đại hội, Nghị quyết đại hội.

b) **Phiếu biểu quyết (màu xanh)** để thông qua các nội dung sau:

- Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và phương hướng kế hoạch năm 2021;
- Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020;
- Tờ trình v/v thông qua Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty;
- Tờ trình v/v thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty;
- Tờ trình v/v ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2021 trên cơ sở đề xuất của BKS Công ty;
- Tờ trình v/v thông qua báo cáo thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS công ty năm 2021;
- Tờ trình v/v thông qua nội dung bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức & hoạt động của Công ty;
- Tờ trình v/v thông qua nội dung và ban hành Quy chế nội bộ và quản trị Công ty;
- Tờ trình v/v thông qua nội dung và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty;
- Tờ trình v/v thông qua nội dung và ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty;

c) **Phiếu bầu cử (màu vàng)**: dùng để bầu cử bổ sung thành viên Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2019 - 2023.

2. Hình thức biểu quyết:

a) **Thẻ biểu quyết (màu trắng)** theo hình thức giơ thẻ biểu quyết công khai tại Đại hội theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn để lấy ý kiến biểu quyết: “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” hoặc “Không có ý kiến”.

* Trường hợp cổ đông đã được phát Thẻ biểu quyết nhưng không giơ Thẻ biểu quyết đối với nội dung được Chủ tọa đoàn lấy ý kiến trong cả ba lần (đồng ý, không đồng ý, hoặc không có ý kiến) thì được xem là Đồng ý với nội dung đó.

b) **Phiếu biểu quyết (màu xanh)** theo hình thức bỏ phiếu.

- Phiếu biểu quyết hợp lệ: là phiếu biểu quyết đáp ứng đủ các điều kiện sau:
 - + Phiếu biểu quyết do Công ty phát hành, có đóng dấu của Công ty trên mỗi phiếu biểu quyết và có chữ ký của cổ đông;
 - + Phiếu biểu quyết phải thể hiện rõ ràng ý kiến của cổ đông, không ghi thêm nội dung, thông tin, ký hiệu khác,... khi không được chủ tọa yêu cầu;
 - + Phiếu biểu quyết phải còn nguyên vẹn, không bị gạch xóa, sửa chữa, rách hoặc mờ không rõ chữ;
- Phiếu biểu quyết không đáp ứng được các điều kiện trên coi là Phiếu biểu quyết không hợp lệ và không được sử dụng để tính quyền biểu quyết tương ứng với số cổ phần được ghi trên phiếu biểu quyết đó.
- Phiếu biểu quyết không đánh dấu ý kiến nào thì phần biểu quyết đối với nội dung đó là không ý kiến.
- Phiếu biểu quyết đánh dấu từ 2 ý kiến trở lên đối với nội dung cần lấy ý kiến biểu quyết nào thì phần biểu quyết đối với nội dung đó là không hợp lệ.

c) *Phiếu bầu cử (màu vàng)* theo hình thức bỏ phiếu kín.

3. Điều kiện thông qua Quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

- a) Tờ trình thông qua quyết định của đại hội đồng cổ đông v/v bổ sung, sửa đổi nội dung Điều lệ tổ chức & hoạt động của Công ty phải được số cổ đông đại diện có từ **65 % trở lên tổng số phiếu biểu quyết** của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.;
- b) Các Tờ trình khác thông qua quyết định của đại hội đồng cổ đông phải được số cổ đông đại diện có từ **51 % trở lên tổng số phiếu biểu quyết** của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
- c) Biên bản và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng **100 %** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

Điều 9. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Biên bản, Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 10. Thi hành Quy chế

Quy chế này có hiệu lực thi hành đối với tất cả cổ đông tham dự Đại hội và Ban tổ chức Đại hội kể từ thời điểm Đại hội thông qua. Cổ đông vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2021

Dự thảo.

QUY CHẾ BẦU CỬ
BỔ SUNG BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2019 – 2023
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2021;

Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản tiến hành bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát (sau đây viết tắt là “BKS”) nhiệm kỳ 2019 – 2023, theo các quy định dưới đây:

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN BẦU CỬ

1.1. Nguyên tắc bầu cử:

a) Bầu cử đúng pháp luật, đúng Điều lệ nhằm đảm bảo dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông.

b) Bầu cử công khai bằng hình thức bỏ phiếu kín.

1.2. Đối tượng có quyền bầu cử: Là các cổ đông của Công ty hoặc người được cổ đông ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ theo danh sách chốt cổ đông vào **ngày 29/3/2021** do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp.

ĐIỀU 2: SỐ LƯỢNG, TIÊU CHUẨN VÀ QUYỀN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN BKS

2.1. Số lượng thành viên BKS được bầu bổ sung là: 01 thành viên

2.2. Thành viên BKS được bầu bổ sung phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện sau: (theo Điều 169 của Luật doanh nghiệp)

– Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

– Không phải là vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc và người quản lý khác;

– Không được giữ chức vụ quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

– Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2.3. Trước và trong cuộc họp ĐHĐCĐ, Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên...

ĐIỀU 4: HỒ SƠ ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN BỔ SUNG

4.1. Hồ sơ đề cử ứng viên bao gồm:

- Đơn đề cử ứng viên tham gia Thành viên BKS nhiệm kỳ 2019-2023;
- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai;
- Bản sao chứng minh nhân dân/ hộ chiếu và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn;
- Giấy ủy quyền đề cử hợp lệ (trong trường hợp cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử);

4.2. Hồ sơ đề cử thành viên Ban kiểm soát phải được gửi về **Ban tổ chức Đại hội trước 16h00' ngày 17/4/2021** theo địa chỉ sau đây:

Công ty cổ Phần Công Nghiệp Thủy Sản, 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM.

Đối với các trường hợp đề cử tại Đại hội thì cổ đông/ nhóm cổ đông đề cử phải cung cấp ngay hồ sơ đề cử cho Chủ tọa để được xem xét.

4.3. Chỉ những hồ sơ đề cử đáp ứng đủ điều kiện đề cử và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên BKS mới được đưa vào danh sách ứng viên công bố tại Đại hội.

ĐIỀU 5: PHIẾU BẦU VÀ GHI PHIẾU BẦU

5.1 Danh sách ứng cử viên vào Ban kiểm soát được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

5.2 Phiếu bầu và ghi phiếu bầu:

- Phiếu bầu được in thống nhất, có đóng dấu treo của Công ty, có tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo mã số cổ đông tham dự;

- Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp sẽ được cấp một phiếu bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát (**Phiếu màu vàng**), trên đó có ghi mã số cổ đông, số cổ phần (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) và số phiếu có quyền biểu quyết đã được nhân tương ứng với số thành viên được bầu của BKS; danh sách các ứng cử viên được đề cử vào BKS. Khi cổ đông/ người đại diện theo ủy quyền được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại mã số cổ đông và số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu;

- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;
- Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông hoặc đại diện ủy quyền viết số phiếu muốn bầu vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó;

- Nếu không bầu cho ứng cử viên nào, cổ đông hoặc đại diện ủy quyền điền số “0” hoặc bỏ trống cột “Số phiếu bầu” vào dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.

5.3. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ:

- Phiếu không theo mẫu của ban tổ chức hoặc không có dấu của Công ty;
- Phiếu để số người được bầu quá số tối đa;
- Phiếu không có chữ ký của cổ đông;
- Phiếu có tẩy xóa, chỉnh sửa nội dung (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới);
- Phiếu có ghi tên người ngoài danh sách ứng cử, phiếu có viết thêm;
- Tổng số phiếu biểu quyết cho tất cả ứng viên vượt quá tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông đó sở hữu/được ủy quyền.

ĐIỀU 6: PHƯƠNG THỨC BẦU CỬ

- Việc biểu quyết bầu bổ sung thành viên BKS được thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu;

- Mỗi cổ đông có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu bổ sung vào BKS;

- Cổ đông có thể dồn hết tổng số quyền biểu quyết cho 01 ứng cử viên hoặc bầu với một số lượng khác cho 01 ứng cử viên với điều kiện không được vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu hoặc không bầu cho ứng cử viên nào.

ĐIỀU 7: BAN KIỂM PHIẾU, NGUYÊN TẮC BỎ PHIẾU VÀ KIỂM PHIẾU

7.1. Ban Kiểm phiếu:

- Ban Kiểm phiếu bầu bổ sung 01 thành viên BKS nhiệm kỳ 2019-2023 là Ban kiểm phiếu chung của Đại hội, gồm 03 người (01 Tổ trưởng và 02 thành viên) do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Thành viên Ban kiểm phiếu là cổ đông hoặc là người được cổ đông ủy quyền hợp pháp, nhưng không phải người được đề cử/ ứng cử vào thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019 - 2023 .

- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:

- + Hướng dẫn tóm tắt quy định về bầu cử;
- + Phát phiếu bầu cho cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông;
- + Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện cổ đông;
- + Tổ chức kiểm phiếu;
- + Lập biên bản kiểm phiếu và công bố trước Đại hội đồng cổ đông;
- + Giao lại biên bản và toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tọa.

7.2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản, chuyển kết quả bầu cử cho chủ tọa và công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

ĐIỀU 8: NGUYÊN TẮC TRÚNG CỬ THÀNH VIÊN BKS:

Việc bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát được thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu ☐ dồn phiếu ☐.

Tổng số phiếu bầu của mỗi cổ đông tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cổ phần cá nhân sở hữu và cổ phần được ủy quyền đại diện) nhân với số lượng Thành viên BKS được bầu bổ sung. Cổ đông có quyền sử dụng hoặc không sử dụng một phần hoặc dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho ứng cử viên.

8.2. Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất, cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Quy chế này.

8.3. Trong trường hợp có từ hai ứng viên trở lên nhận được số phiếu bầu bằng nhau trong khi chưa có đủ số thành viên được bầu theo quy định tại Quy chế này thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại để chọn giữa các ứng viên này. Người trúng cử là người có số phiếu bầu cao hơn. Nếu sau khi tiến hành bầu lại mà số phiếu vẫn bằng nhau thì có bầu lại tiếp hay không do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

ĐIỀU 9: LẬP VÀ CÔNG BỐ BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp, số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số và tỉ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên số và tỉ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào BKS;

- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội và kết quả bầu cử bổ sung thành viên BKS phải được ghi nhận tại Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 10: Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do chủ tọa cuộc họp giải quyết tại Đại hội và được chi tiết vào biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2017.

Quy chế này gồm có 10 điều và được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông để biểu quyết thông qua.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

PHỤ LỤC 1

MẪU PHIẾU BẦU VÀ HƯỚNG DẪN BẦU DỒN PHIẾU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

PHIẾU BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2019-2023

Họ và tên cổ đông:

Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện (nếu có): cổ phần.

Tổng số phiếu bầu:

Bầu cho các ông bà sau đây bổ sung vào BKS Công ty CP Công nghiệp Thủy sản:

TT	HỌ VÀ TÊN	SỐ PHIẾU BẦU
1		
2		
3		
4		
5		

CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn cách bầu:

- Cổ đông được sử dụng tổng số phiếu bầu để bầu cho các ứng cử viên HĐQT trong danh sách. Cổ đông đồng ý bầu cho ứng viên nào thì viết số phiếu muốn bầu vào cột “SỐ PHIẾU BẦU” tại dòng tương ứng với tên ứng viên đó sao cho tổng số phiếu bầu cho tất cả ứng viên không được vượt quá tổng số phiếu bầu mà cổ đông có.

* Ví dụ: Cổ đông A có 1.000 cổ phần thì đương nhiên sẽ có 1.000 phiếu bầu (nếu bầu bổ sung 01 thành viên BKS). Giả sử danh sách đề cử là 5 người là các ông bà B, C, D, M, N thì Cổ đông A có thể bầu toàn bộ 1.000 phiếu bầu cho 01 ứng viên A hoặc phân bổ 1.000 phiếu bầu cho 05 ứng viên và ghi vào cột “số phiếu bầu” tương ứng của ứng viên đó. Đảm bảo tổng số không quá 1.000 phiếu bầu.

Số: /2021/BB-ĐHĐCĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2021

DỰ THẢO

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Tên Công ty : Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản.
Trụ sở chính : Số 244 Bùi Văn Ba, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.Hồ Chí Minh.
Giấy CNĐKDN : 0302166033 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12/2/2007, thay đổi lần 09 ngày 12/7/2018.
Thời gian tổ chức : Từ 8h giờ 30 phút ngày 29 /4/2021
Địa điểm tổ chức : Phòng họp văn phòng Công ty tại Số 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM

NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

I. KHAI MAC, THÀNH PHẦN THAM DỰ VÀ TÍNH HỢP LỆ CỦA ĐẠI HỘI:

1. Khai mạc và thành phần tham dự Đại hội.

Vào lúc 08h30 phút ngày 29/4/2021, Ông Trần Khanh thay mặt Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản (Công ty), tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu tham dự Đại hội.

2. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông.

Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 đã phân công các nhân sự trong Ban kiểm tra tư cách cổ đông, gồm các thành viên sau:

- ① Ông Võ Quốc Việt – Trưởng BKS Công ty làm Trưởng ban;
- ② Bà Lê Thị Hải An – Thành viên.
- ③ Ông Trần Nhật Triết – Thành viên.

Ông Võ Quốc Việt đại diện Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội, như sau:

Tổng số cổ đông được triệu tập tham dự Đại hội là: **cổ đông**, đại diện cho quyền sở hữu 4.064.700 cổ phần trên tổng số 4.200.000 cổ phần, bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được mời họp (do Công ty có 01 cổ đông là cổ phiếu quỹ với 135.300 cổ phần) theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền bỏ phiếu đến ngày 29/3/2021.

Tại thời điểm khai mạc Đại hội vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 29/4/2021, tổng số cổ đông tham dự Đại hội là cổ đông, trong đó số cổ đông đến trực tiếp tham dự Đại hội: cổ đông, số cổ đông ủy quyền là: cổ đông, hai nhóm cổ đông này đại diện cho Cổ phần, chiếm % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Số cổ đông vắng mặt không ủy quyền: cổ đông, tương ứng cổ phần, chiếm tỷ lệ %.

Căn cứ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đủ điều kiện tiến hành đại hội.

II/ NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐẠI HỘI.

1. Bầu Chủ tọa đoàn, Ban Kiểm phiếu và Ban Thư ký.

Đại hội đã tiến hành bầu Chủ tọa đoàn, Ban Thư ký và Ban kiểm phiếu Đại hội như sau:

1.1 Bầu Chủ tọa đoàn:

Danh sách Chủ tọa đoàn gồm:

1. Ông Trần Hữu Hạnh, Chủ tịch Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty – Chủ tọa đại hội.
2. Ông Trương Tùng Hưng, Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc – Thành viên.
3. Ông Nguyễn Thành Trung, Thành viên HĐQT – Thành viên.

Đại hội đã thông qua thành phần Chủ tọa đoàn bằng cách giơ Thẻ biểu quyết, với kết quả như sau:

- Số cổ phần biểu quyết Đồng ý: cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100% tổng số cổ phần tham dự đại hội
- Số cổ phần biểu quyết Không đồng ý: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần tham dự đại hội
- Số cổ phần biểu quyết Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần tham dự đại hội

1.2 Bầu Ban Thư ký đại hội:

Danh sách Ban Thư ký:

1. Bà Lê Thị Hải An, Thư ký Hội đồng Quản trị Công ty – Trưởng ban.
2. Ông Nguyễn Trọng Nghĩa – Thành viên.

Đại hội đã thông qua thành phần Ban Thư ký bằng cách giơ Thẻ biểu quyết, với kết quả như sau:

- Số cổ phần biểu quyết Đồng ý: cổ phần, chiếm tỷ lệ: ...% tổng số cổ phần tham dự đại hội
- Số cổ phần biểu quyết Không đồng ý: cổ phần, chiếm tỷ lệ:% tổng số cổ phần tham dự đại hội
- Số cổ phần biểu quyết Không có ý kiến: cổ phần, chiếm tỷ lệ: ...% tổng số cổ phần tham dự đại hội

1.3 Bầu Ban kiểm phiếu, gồm 03 người:

Danh sách Ban Kiểm phiếu:

1. Ông Vũ Văn Công – Trưởng ban.
2. Ông Trần Nhật Triết – Thành viên.
3. Ông Nguyễn Thanh Phong – Thành viên.

Đại hội đã thông qua thành phần Ban kiểm phiếu bằng cách giơ Thẻ biểu quyết, với kết quả như sau:

- Số cổ phần biểu quyết Đồng ý: cổ phần, chiếm tỷ lệ:% tổng số cổ phần tham dự đại hội
- Số cổ phần biểu quyết Không đồng ý: cổ phần, chiếm tỷ lệ: ...% tổng số cổ phần tham dự đại hội
- Số cổ phần biểu quyết Không có ý kiến: cổ phần, chiếm tỷ lệ:% tổng số cổ phần tham dự đại hội

2. Thông qua Chương trình phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 và Quy chế làm việc tại Đại hội:

2.1. Thông qua Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021:

Ông Trần Hữu Hạnh – thay mặt Chủ tọa đoàn trình bày Chương trình phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty.

Đại hội đã thông qua Chương trình phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 bằng cách giơ “Thẻ biểu quyết”, với kết quả như sau:

- Số cổ phần biểu quyết Đồng ý: cổ phần, chiếm tỷ lệ:% tổng số cổ phần tham dự đại hội
- Số cổ phần biểu quyết Không đồng ý: cổ phần, chiếm tỷ lệ:% tổng số cổ phần tham dự đại hội
- Số cổ phần biểu quyết Không có ý kiến:cổ phần, chiếm tỷ lệ:% tổng số cổ phần tham dự đại hội

2.2. Thông qua Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội:

Ông Trần Hữu Hạnh – thay mặt Chủ tọa đoàn trình bày Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội.

Đại hội đã thông qua Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ “Thẻ biểu quyết”, với kết quả như sau:

- Số cổ phần biểu quyết Đồng ý: cổ phần, chiếm tỷ lệ:% tổng số cổ phần tham dự đại hội
- Số cổ phần biểu quyết Không đồng ý: ...cổ phần, chiếm tỷ lệ:% tổng số cổ phần tham dự đại hội
- Số cổ phần biểu quyết Không có ý kiến: ...cổ phần, chiếm tỷ lệ:% tổng số cổ phần tham dự đại hội

3. Trình bày và thảo luận các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội.

3.1. Trình bày các Báo cáo và Tờ trình:

(Toàn văn các nội dung Báo cáo và Tờ trình: chi tiết theo Tài liệu phiên họp)

a) Ông Trương Tùng Hưng – thay mặt Chủ tọa đoàn trình bày Báo cáo số 24/BC-CNTS-HĐQT ngày 06/4/2021 của HĐQT về đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh và công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ hoạt động năm 2021 tại phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

b) Ông Võ Quốc Việt – thay mặt ban Ban kiểm soát (BKS) Công ty trình bày Báo cáo hoạt động của BKS Công ty năm 2020 và Tờ trình số 28/TTr-CNTS-BKS ngày 06/4/2021 của Ban kiểm soát v/v ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 trên cơ sở đề xuất BKS.

c) Ông Nguyễn Thành Trung – thay mặt Chủ tọa đoàn trình bày các Tờ trình sau:

c.1 Tờ trình số 25 /TTr-CNTS-HĐQT ngày 06/4/2021 của HĐQT Công ty về việc thông qua Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán năm 2020;

c.2 Tờ trình số 26 /TTr-CNTS-HĐQT ngày 06/4/2021 của HĐQT Công ty về việc thông qua một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021;

c.3 Tờ trình số 27 /TTr-CNTS-HĐQT ngày 06/4/2021 của HĐQT Công ty về việc báo cáo thực hiện việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2021;

c.4 Tờ trình số 29 /TTr-CNTS-HĐQT ngày 06/4/2021 của HĐQT Công ty về việc thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung và ban hành Điều lệ sửa đổi của Công ty (đính kèm bản dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung);

c.5 Tờ trình số 31 /TTr-CNTS-HĐQT ngày 06/4/2021 của HĐQT Công ty về việc thông qua nội dung và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty (đính kèm bản dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty);

c.6 Tờ trình số 30 /TTr-CNTS-HĐQT ngày 06 /4/2021 của HĐQT Công ty về việc thông qua nội dung và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty (đính kèm bản dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị);

c.7 Tờ trình số 32 /TTr-CNTS-BKS ngày 06 /4/2021 của BKS Công ty về việc thông qua nội dung và ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát công ty (đính kèm bản dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát).

c.8 Tờ trình số 33/TTr-CNTS-HĐQT ngày 06/4/2021 về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2019-2023 (đính kèm đơn từ nhiệm của bà Vũ Thị Hồng Gấm để tiến hành bầu bổ sung).

3.2 Đại hội thảo luận:

3.3 Đoàn chủ tịch trả lời ý kiến thảo luận của cổ đông

3.4 Chủ tọa đoàn kết luận các vấn đề cần biểu quyết:

Ông Trần Hữu Hạnh thay mặt Chủ tọa đoàn kết luận các vấn đề cần phải biểu quyết bằng hình thức lấy “Phiếu biểu quyết” và hình thức giơ “Thẻ biểu quyết” của cổ đông tại phiên họp mà ông Trương Tùng Hưng, ông Nguyễn Thành Trung và ông Võ Quốc Việt vừa trình bày.

4. Tiến hành biểu quyết thông qua các Báo cáo và Tờ trình:

4.1 Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông lần 2:

Ông Võ Quốc Việt – Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo cập nhật kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội như sau:

Tính đến thời điểm ... giờ ... phút ngày 29/4/2021, tổng số cổ đông (sở hữu và đại diện theo ủy quyền) có mặt và đủ điều kiện tham dự Đại hội là ... cổ đông, đại diện cho cổ phần, chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

4.2 Tiến hành biểu quyết.

4.2.1 Biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

Để đại hội được liên tục và Ban kiểm phiếu có thời gian chuẩn bị các thủ tục biểu quyết và bầu cử, Ông Trần Hữu Hạnh – Chủ tọa đoàn đề nghị Quý cổ đông cho ý kiến và biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ “Thẻ biểu quyết”, gồm:

a) Thông qua Tờ trình số 33/TTr-CNTS-HĐQT ngày 06/4/2021 về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung 01 thành viên BKS nhiệm kỳ 2019-2023.

Đại hội đã thông qua Tờ trình số 33 /TTr-CNTS-HĐQT ngày 06 /4/2021 về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2019-2023 (*đính kèm đơn từ nhiệm của bà Vũ Thị Hồng Gấm để tiến hành bầu bổ sung*):

- Số cổ phần biểu quyết “Đồng ý”: cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100% tổng số cổ phần tham dự Đại hội.

- Số cổ phần biểu quyết “Không đồng ý”: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần tham dự Đại hội.

- Số cổ phần biểu quyết “Không có ý kiến”: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0 % tổng số cổ phần tham dự Đại hội.

b) Thông qua danh sách ứng viên để tiến hành bầu bổ sung 01 thành viên BKS nhiệm kỳ 2019 - 2023.

b.1 Ông Trần Hữu Hạnh - Chủ tọa đoàn thông báo danh sách đề cử, ứng cử bầu bổ sung 01 thành viên BKS nhiệm kỳ 2019-2023 đã nhận được trước bầu cử, là:

Cổ đông Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – CTCP có số lượng CP sở hữu từ 06 tháng liên tục là: 1.947.000 CP chiếm tỷ lệ 46,36% tổng số CP có quyền biểu quyết của Công ty, đã đề cử 01 ứng viên là Bà Trần Thị Nguyệt Phụng.

(*Đơn đề cử ứng cử viên tham gia bầu bổ sung 01 thành viên BKS nhiệm kỳ 2019-2023 và Hồ sơ ứng viên đính kèm theo Biên bản*)

b.2 Các đề cử, ứng cử bổ sung của cổ đông/ nhóm cổ đông tại cuộc họp: Không.

b.3 Ông Trần Hữu Hạnh – Chủ tọa đoàn, chốt Danh sách ứng cử viên để bầu bổ sung 01 thành viên BKS nhiệm kỳ 2019-2023 tại phiên họp, gồm:

- Bà Trần Thị Nguyệt Phụng

Đại hội đã biểu quyết thông qua danh sách ứng viên bằng hình thức giơ “Thẻ biểu quyết” với kết quả như sau:

- Số cổ phần biểu quyết “Đồng ý”: cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100% tổng số cổ phần tham dự Đại hội.

- Số cổ phần biểu quyết “Không đồng ý”: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần tham dự Đại hội.

- Số cổ phần biểu quyết “Không có ý kiến”: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0 % tổng số cổ phần tham dự Đại hội.

c) Thông qua Quy chế ứng cử, đề cử bầu bổ sung Thành viên BKS nhiệm kỳ 2019 – 2023.

Ông Trần Hữu Hạnh đã đọc Dự thảo Quy chế ứng cử, đề cử bầu bổ sung Thành viên BKS nhiệm kỳ 2019 – 2023.

Đại hội đã thông qua Quy chế ứng cử, đề cử bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2019 – 2023 bằng cách giơ “Thẻ biểu quyết”, với kết quả như sau:

- Số cổ phần biểu quyết “Đồng ý”: cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100% tổng số cổ phần tham dự Đại hội.

- Số cổ phần biểu quyết “Không đồng ý”: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần tham dự Đại hội.

- Số cổ phần biểu quyết “Không có ý kiến”: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0 % tổng số cổ phần tham dự Đại hội.

4.2.2 Biểu quyết thông qua “Phiếu biểu quyết”

a) Bỏ phiếu biểu quyết thông qua các báo cáo, Tờ trình và phiếu bầu cử bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2019-2023.

Ông Vũ Văn Công – Trưởng ban kiểm phiếu điều hành việc bỏ phiếu biểu quyết và bỏ phiếu bầu cử bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2019-2023, như sau:

Căn cứ vào danh sách chốt số lượng cổ đông lần 2 vào lúc ... giờ ... phút của Ban kiểm tra tư cách cổ đông để tiến hành bỏ Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử.

- Tổng số phiếu phát ra: phiếu tương ứng CPPT chiếm 100%

- Tổng số phiếu thu vào: phiếu tương ứng CPPT chiếm 100%

Trong đó: + Số hợp lệ: phiếu, tương ứng CPPT chiếm tỷ lệ%.

+ Số không hợp lệ: phiếu, tương ứng CPPT chiếm%

(đính kèm Biên bản kiểm phiếu).

b) Công bố kết quả kiểm “Phiếu biểu quyết” thông qua các Báo cáo, Tờ trình như sau:

TT	CÁC VẤN ĐỀ CẦN BIỂU QUYẾT	Tổng số CP có quyền biểu quyết tại ĐH	Tỷ lệ số phiếu biểu quyết “Tán thành”	Tỷ lệ số phiếu biểu quyết “Không tán thành”	Tỷ lệ số phiếu biểu quyết “Không có ý kiến”	Kết luận của phiên họp
1	Thông qua Báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động năm 2020 và phương					Tỷ lệ tán thành là% > 51%. ĐH

	hướng nhiệm vụ hoạt động năm 2021.					nhất trí thông qua báo cáo.
2	Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020					Tỷ lệ tán thành là ...% > 51%. ĐH nhất trí thông qua báo cáo.
3	Thông qua Tờ trình Tờ trình số /TTr-CNTS-HĐQT ngày .../4/2021 của HĐQT Công ty v/v thông qua Báo cáo Tài chính năm 2020 đã được kiểm toán					Tỷ lệ tán thành là% > 65%. ĐH nhất trí thông qua tờ trình.
4	Thông qua Tờ trình số.../TTr-CNTS-HĐQT ngày.../4/2021 của HĐQT Công ty v/v thông qua một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021					Tỷ lệ tán thành là ...% > 51%. ĐH nhất trí thông qua tờ trình.
5	Thông qua Tờ trình số /TTr-CNTS-BKS ngày /4 /2021 của Ban kiểm soát về việc ĐHCĐ thường niên năm 2021 ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát công ty.					Tỷ lệ tán thành là% > 51%. ĐH nhất trí thông qua tờ trình.
6	Thông qua Tờ trình số /TTr-CNTS-HĐQT ngày /4 /2021 của HĐQT Công ty về việc thông qua Báo cáo thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2021.					Tỷ lệ tán thành là% > 51%. ĐH nhất trí thông qua tờ trình.
7	Thông qua Tờ trình số /TTr-CNTS-HĐQT ngày /4/2021 của HĐQT Công ty về việc thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung và ban hành Điều lệ sửa đổi của Công ty.					Tỷ lệ tán thành là% > 65%. ĐH nhất trí thông qua tờ trình.
	Thông qua Tờ trình số					Tỷ lệ tán

8	/TTr-CNTS-HĐQT ngày /4/2021 của HĐQT Công ty về việc thông qua nội dung và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty.					thành là% > 51%. ĐH nhất trí thông qua tờ trình.
9	Thông qua Tờ trình số /TTr-CNTS-HĐQT ngày /4/2021 của HĐQT Công ty về việc thông qua nội dung và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty					Tỷ lệ tán thành là% > 51%. ĐH nhất trí thông qua tờ trình.
10	Thông qua Tờ trình số /TTr-CNTS-BKS ngày /4/2021 của BKS Công ty về việc thông qua nội dung và ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát công ty.					Tỷ lệ tán thành là% > 51%. ĐH nhất trí thông qua tờ trình.

c) Công bố kết quả kiểm “Phiếu bầu cử” bầu bổ sung 01 thành viên BKS nhiệm kỳ 2019-2023, như sau:

TT	Họ và tên ứng viên	Tổng số phiếu được bầu chọn	Tỷ lệ %/ tổng số phiếu bầu có quyền bầu tại cuộc họp	Kết luận
1	Bà Trần Thị Nguyệt Phụng			Trúng cử là TV BKS Công ty nhiệm kỳ 2019-2023 từ ngày 29/4/2021.

III. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

1. Bà Lê Thị Hải An thay mặt Ban Thư ký đọc dự thảo Biên bản họp và dự thảo Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản.

2. Đại hội đã thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản bằng cách giơ “Thẻ biểu quyết”, với kết quả như sau:

- Số cổ phần biểu quyết “Đồng ý”: cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100% tổng số cổ phần tham dự đại hội.

- Số cổ phần biểu quyết “Không đồng ý”: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần tham dự đại hội.

- Số cổ phần biểu quyết “Không có ý kiến”: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần tham dự đại hội.

3. Đại hội đã thông qua Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và ủy quyền Chủ tịch HĐQT ký ban hành Nghị quyết ĐHĐCĐ, đăng tải trên website Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản bằng cách ghi “Thẻ biểu quyết”, với kết quả như sau:

- Số cổ phần biểu quyết “Đồng ý”: cổ phần, chiếm tỷ lệ: 100% tổng số cổ phần tham dự đại hội.

- Số cổ phần biểu quyết “Không đồng ý”: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần tham dự đại hội.

- Số cổ phần biểu quyết “Không có ý kiến”: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0% tổng số cổ phần tham dự đại hội.

IV. Bế mạc Đại hội.

Ông Trần Hữu Hạnh thay mặt Ban tổ chức Đại hội tuyên bố bế mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản kết thúc lúc giờ ... phút ngày 29 tháng 4 năm 2021.

**TM. BAN THƯ KÝ
TRƯỞNG BAN**

**TM. CHỦ TỌA ĐOÀN
CHỦ TỌA**

Lê Thị Hải An

Trần Hữu Hạnh

Số: /2021/NQ-ĐHĐCĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản (sau đây viết tắt là “Công ty”);

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản số: /2021/BB-ĐHĐCĐ ngày 29/4/2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung các báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, gồm:

a) Báo cáo của Hội đồng Quản trị Công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2020; phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 2021;

b) Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Ban kiểm soát Công ty trong năm 2020.

Điều 2. Thông qua Tờ trình số 25 /TTr-CNTS-HĐQT ngày 06/4/2021 về việc Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán của Công ty.

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 được Công ty công bố thông tin theo quy định của pháp luật và đăng tải toàn văn trên website Công ty www.seameco.com.vn

Điều 3. Thông qua Tờ trình số 26 /TTr-CNTS-HĐQT ngày 06/4/2021 về việc Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, với các chỉ tiêu chính như sau :

TT	Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	Kế hoạch năm 2021
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	16,500
1.1	Đóng mới, sửa chữa tàu thuyền	Tỷ đồng	4,500
1.2	Kinh doanh và dịch vụ	Tỷ đồng	12,000
	Gồm: + KDDV thuê cầu cảng ...	Tỷ đồng	1,476

	+ KDDV thuê kho, bãi ...	Tỷ đồng	10,524
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	16,400
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>2,600</i>
3	Lợi nhuận trước thuế		
3.1	Lợi nhuận trước thuế bao gồm chi phí trả lãi vay	Tỷ đồng	Lãi 0,100
3.2	Lợi nhuận trước thuế không bao gồm chi phí trả lãi vay	Tỷ đồng	Lãi 2,700
4	Chia trả cổ tức năm 2021	Công ty không chia cổ tức	

Điều 4. Thông qua Tờ trình số 27 /TTr-CNTS-HĐQT ngày 06/4/2021 về việc Thông qua báo cáo thực hiện việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2021, như sau:

- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện năm 2020: **288.000.000 đồng** (Bằng chữ: *Hai trăm tám mươi tám triệu đồng*);

- Kế hoạch năm 2021, chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty: **288.000.000 đồng** (Bằng chữ: *Hai trăm tám mươi tám triệu đồng*).

Điều 5. Thông qua Tờ trình số 28 /TTr-CNTS-BKS ngày 06/4/2021 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2021:

Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính năm 2021 trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát của Công ty.

Điều 7. Thông qua Tờ trình số 29 /TTr-CNTS-HĐQT ngày 06/4/2021 về việc thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung và ban hành Điều lệ sửa đổi của Công ty.

Thông qua việc ủy quyền và giao Người đại diện pháp luật của Công ty ký ban hành và thực hiện các thủ tục công bố thông tin theo quy định hiện hành bản Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi, bổ sung đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 chính thức thông qua ngày 29/4/2021, đồng thời đăng tải trên website chính thức của Công ty <http://www.seameco.com.vn>

Điều 8. Thông qua Tờ trình số 31 /TTr-CNTS-HĐQT ngày 06/4/2021 về việc thông qua nội dung và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Tờ trình số 30 /TTr-CNTS-HĐQT ngày 06/4/2021 về việc thông qua nội dung và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Thông qua việc ủy quyền và giao Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty ký ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Công ty thực hiện các thủ tục công bố thông tin theo quy định hiện hành, đồng thời đăng tải nội dung các bản Quy chế trên website chính thức của Công ty <http://www.seameco.com.vn>

Điều 9. Thông qua Tờ trình số 32 /TTr-CNTS-BKS ngày 06/4/2021 về việc thông qua nội dung và ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát công ty.

Thông qua việc ủy quyền và giao Trưởng ban kiểm soát của Công ty ký ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông

thường niên 2021 thông qua ngày 29/4/2021, Công ty thực hiện các thủ tục công bố thông tin theo quy định hiện hành, đồng thời đăng tải nội dung các bản Quy chế trên website chính thức của Công ty <http://www.seameco.com.vn>

Điều 10. Thông qua Tờ trình số 33 /TTr-CNTS-HĐQT ngày 06/4/2021 về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2019-2023 và Thông qua danh sách ứng viên để bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát công ty nhiệm kỳ 2019 – 2023, như sau:

- Danh sách ứng viên Thành viên Ban kiểm soát:
+ Bà Trần Thị Nguyệt Phụng

Điều 11. Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2019-2023.

- Danh sách ứng viên Thành viên Ban kiểm soát:
+ Bà Trần Thị Nguyệt Phụng

Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban kiểm soát trên được qui định theo Điều lệ của Công ty và các qui định khác của pháp luật.

Điều 12. Điều khoản thi hành.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty thông qua toàn văn tại Đại hội và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29/4/2021.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN
CHỦ TỌA**

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty
(qua website www.seameco.com.vn);
- UBCKNN, SGDCK Hà Nội, TTLKCK;
- HĐQT, BKS, Ban điều hành Công ty;
- Lưu: Văn thư, Thư ký Công ty.

Trần Hữu Hạnh

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Địa chỉ: Số 244 Bùi Văn Ba, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp.HCM.

Điện thoại: 028.38729 751 Fax: 028.38729749

BÁO CÁO

**CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020
VÀ ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH NĂM 2021**

(Báo cáo trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)



Tp.Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2021

**BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020
VÀ ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH NĂM 2021**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản.**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Công nghiệp Thủy sản;

Căn cứ Nghị quyết phiên họp Hội đồng Quản trị thường kỳ Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản số 23 /NQ-CNTS-HĐQT ngày 06/4/2021 về việc thông qua chương trình và các nội dung tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Hội đồng Quản trị Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về kết quả hoạt động năm 2020 và định hướng kế hoạch năm 2021 như sau:

**Phần 1
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020.**

I/ Đặc điểm hoạt động, tình hình thuận lợi và khó khăn.

1. Thuận lợi: Công ty hoạt động trong Ngành thủy sản về lĩnh vực cơ khí tàu thuyền gần 30 năm qua, đã có kinh nghiệm nhất định để tiếp thị, tư vấn, đóng mới và sửa chữa các mẫu tàu cá, sà lan, tàu công tác các loại.

Với mặt bằng sẵn có, Công ty vẫn tiếp tục duy trì các hình thức kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, nhà xưởng, cầu cảng, ... và tiếp tục triển khai công tác tìm kiếm đối tác hợp tác kinh doanh dịch vụ, tận dụng tối đa cơ sở mặt bằng sẵn có nhằm tăng doanh thu cho Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty, đề ra các chủ trương, quyết sách đúng đắn nhằm định hướng và chỉ đạo kịp thời, cùng Ban Tổng Giám đốc tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong sản xuất kinh doanh.

2. Khó khăn: Tuy có những thuận lợi nêu trên, nhưng Công ty cũng gặp không ít khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh sau:

2.1 Khó khăn về tình hình tài chính:

- Ảnh hưởng của hàng hóa tồn kho và công nợ của các năm trước để lại quá lớn nên hiệu quả kinh doanh trong kỳ còn thấp.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong điều kiện nguồn vốn lưu động hạn hẹp, chủ yếu nhờ vào tiền tạm ứng và vốn thanh toán của chủ đầu tư và tiền đặt cọc ứng trước của các khách hàng thuê kho bãi.

- Trong năm 2020, các ngân hàng tiếp tục gây áp lực và dùng các biện pháp chế tài tài chính để thu hồi nhiều các nợ cũ của các năm trước để lại.

2.2 Khó khăn về hoạt động sản xuất, kinh doanh:

- Tình hình dịch bệnh Covid-19 trong năm diễn biến phức tạp, kéo dài, ... ảnh hưởng mạnh đến tất cả các lĩnh vực kinh doanh hiện nay, như: lĩnh vực cơ khí và đóng sửa tàu thuyền, kinh doanh kho bãi, đặc biệt là về kinh doanh mặt bằng cho thuê kho.

- Về cơ khí đóng tàu: Tình hình đóng mới, sửa chữa tàu và sà lan hiện đang trong giai đoạn khó khăn do dịch bệnh và bị cạnh tranh mạnh của các đơn vị cùng ngành. Mô hình quản trị doanh nghiệp của Công ty tuy có điều chỉnh nhưng vẫn còn hạn chế. Năng suất lao động trong sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ và khả năng cạnh tranh giữa các đơn vị cùng ngành không cao, nhiều máy móc thiết bị cũ, lạc hậu, gánh nặng các khoản chi phí như phí trả nợ ngân hàng cao, ...

- Về dịch vụ cho thuê mặt bằng kho, bãi, dịch vụ cầu cảng : Dịch vụ thuê mặt bằng kho của Công ty trong những tháng cuối năm gặp nhiều khó khăn, bị ảnh hưởng bởi tốc độ tăng trưởng trong nước giảm vì dịch Covid-19. Do làm ăn khó khăn nên khách hàng thuê kho liên tục trả lại mặt bằng thuê, hiện nhu cầu sử dụng kho trên thị trường đang giảm và bị cạnh tranh mạnh giữa các đơn vị cho thuê. Các kho của Công ty được xây dựng và đưa vào sử dụng đã lâu xuống cấp, cần được sửa chữa, thay mới thường xuyên. Kết cấu cầu cảng cũng xuống cấp, vùng nước trước bến nhiều năm không nạo vét nay bồi lấp nhiều nên không thể khai thác được nếu không được đầu tư nạo vét, sửa chữa lớn.

II/ Kết quả thực hiện năm 2020.

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD .

TT	Chỉ tiêu tài chính	Đvt	Năm 2020		TH năm 2019	Tỷ lệ % so sánh	
			KH được ĐHCĐ thông qua	TH năm 2020		KH	TH 2019
I	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	15,000	17,102	27,245	114 %	63%
1	Đóng mới, sửa chữa tàu, gia công cơ khí, lên triển, ...	Tỷ đồng	3,200	4,508	7,266	141%	62%
2	Kinh doanh và dịch vụ	Tỷ đồng	11,800	12,478	12,701	106%	98%
2.1	Dịch vụ cho thuê khai thác cầu cảng	Tỷ đồng	1,440	1,440	1,440	100%	100%
2.2	Dịch vụ thuê kho, bãi, bốc xếp, dịch vụ điện nước ...	Tỷ đồng	10,360	11,038	11,261	106%	98%
3	Thu nhập khác	Tỷ đồng	—	0,116	7,275		1,6%
3.1	Doanh thu hoạt động tài chính (lãi tiền gửi)	Tỷ đồng		0,006	0,565		
3.2	Tiêu thụ sản phẩm nhượng bán TSCĐ	Tỷ đồng		0,110	3,189		
3.3	Lãi vay ngân hàng được miễn giảm	Tỷ đồng		—	3,339		
3.4	Hoàn nhập DP bảo hành SP đóng tàu	Tỷ đồng		—	0,181		
II	Tổng chi phí	Tỷ đồng	15,800	17,287	25,658	109%	67,4%
	Trong đó: Chi phí lãi vay	Tỷ đồng	3,300	3,079	5,459		
	Trích quỹ dự phòng các khoản thu quá hạn	Tỷ đồng		0,228			

III	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng					
1	Lợi nhuận trước thuế bao gồm chi phí lãi vay...	Tỷ đồng	(0,800)	(0,185)	1,586		
2	Lợi nhuận trước thuế (không bao gồm lãi vay, thanh lý đất, trích lập dự phòng hàng tồn kho, thuế CNBS, ...)	Tỷ đồng	2,500	3,122	7,046		

Ghi chú: Đính kèm báo cáo của Tổng giám đốc về báo cáo kết quả SXKD năm 2020 của Công ty.

2. Đánh giá về việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 giao:

- Hoàn thành vượt kế hoạch đối với chỉ tiêu Tổng doanh thu: kế hoạch là 15,000 tỷ đồng, thực hiện là 27,102 tỷ đồng tăng hơn 14% so với kế hoạch. Trong đó doanh thu từ sản xuất kinh doanh là 4,508 tỷ đồng đạt 141 % kế hoạch;.

- Đối với chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế: năm 2020 là năm khó khăn chung của toàn ngành và của tất cả các công ty trên mọi lĩnh vực. Công ty đã cố gắng khắc phục mọi khó khăn, tiết kiệm mọi chi phí, nỗ lực tìm kiếm khách hàng thuê kho bãi, đóng mới, sửa chữa tàu thuyền. Hoạt động SXKD năm 2020 có hiệu quả, nhiều năm sau khi trừ chi phí tài chính (chi phí tồn tại từ những năm trước để lại không liên quan đến sản xuất kinh doanh trong năm) kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty đã có lãi, lợi nhuận trước thuế đạt 43 triệu đồng. Kết quả lợi nhuận trước thuế năm 2020 của Công ty đạt được tuy chưa cao nhưng thực chất là những thành quả cố gắng và nỗ lực đóng góp của tập thể Ban lãnh đạo Công ty và toàn thể CBCNV.

Tuy nhiên, theo quy định của Luật kế toán, Công ty phải trích lập dự phòng các khoản phải thu của khách hàng quá hạn từ 03 năm trước để lại là 227,7 triệu đồng, công ty sẽ cố gắng thu nợ trong năm 2021 để hoàn nhập chi phí đã trích lập dự phòng tài chính.

Vì vậy lợi nhuận trước thuế trên Báo cáo tài chính của Công ty thể hiện lỗ 185 triệu đồng do bổ sung khoản trích lập quỹ dự phòng các khoản phải thu quá hạn nêu trên.

3. Đánh giá chung:

Năm 2020, Công ty tiếp tục duy trì hoạt động ổn định, tình hình sản xuất kinh doanh trên tất cả các lĩnh vực đều vượt các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội cổ đông giao. Công ty đã tích cực, chủ động tìm kiếm khách hàng trong lĩnh vực gia công và sửa chữa tàu. Riêng lĩnh vực kinh doanh cho thuê kho, bãi hiện đang gặp nhiều khó khăn chung trên thị trường, Công ty đã tích cực, chủ động tìm kiếm khách hàng thuê các kho còn trống. Trong lĩnh vực gia công và sửa chữa tàu, mặc dù có nhiều quyết tâm, phấn đấu của bộ phận sản xuất nhưng hợp đồng các công trình gia công và sửa chữa tàu vẫn chưa nhiều. Bù lại các hợp đồng sản xuất trong năm tuy có doanh thu nhỏ nhưng hiệu quả tương đối cao do chi phí sản xuất ít và thu hồi vốn nhanh.

Năm 2020 có nhiều biến động và rất khó khăn, đặc biệt đại dịch COVID-19 diễn biến rất phức tạp, ảnh hưởng đến tốc độ phát triển kinh tế trong nước. Tuy nhiên các chỉ tiêu về doanh thu, chỉ tiêu lợi nhuận do ĐHCĐ đề ra đều tăng so với kế hoạch. Đây là thành quả đáng khích lệ của tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên của toàn Công ty có động lực cố gắng phấn đấu vượt khó, hoàn thành kế hoạch trong năm tiếp theo.

IV/ Hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT).

1. Tổng kết các cuộc họp HDQT và các Nghị quyết/quyết định được ban hành trong năm 2020.

Trong năm HDQT đã tổ chức 07 phiên họp trực tiếp và ban hành 12 Nghị quyết đề chỉ đạo, định hướng các nội dung liên quan công tác quản lý, điều hành Công ty.

- Hoạt động của thành viên HDQT không điều hành.

Các thành viên HDQT không điều hành đã phối hợp với các Thành viên điều hành thực hiện các chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty, nhằm đưa ra những định hướng, chỉ đạo kịp thời các công tác và hoạt động của Công ty.

- Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

2. Thù lao của Hội đồng Quản trị:

Trong năm, Công ty đã thực hiện chi, trả đầy đủ các khoản thù lao của HDQT. Tổng số tiền thù lao đã thực hiện trong năm: **204.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Hai trăm lẻ bốn triệu đồng chẵn*).

3. Đánh giá hoạt động của HDQT trong năm 2020.

3.1 Những việc đã thực hiện được trong năm 2020:

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty trong việc quản lý công ty và giám sát hoạt động của Tổng giám đốc.

- Hội đồng quản trị đã kịp thời xử lý và giải quyết các đề xuất, kiến nghị của Tổng giám đốc theo đúng thẩm quyền, tạo thuận lợi cho công tác điều hành công ty.

- Tổ chức họp HDQT hoặc lấy ý kiến bằng văn bản để xử lý các công việc đột xuất đúng định kỳ, trình tự thủ tục theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty, đảm bảo hiệu lực quản lý Công ty.

3.2 Những việc còn tồn tại chưa thực hiện hoàn thành Nghị quyết của HDQT đã ban hành năm 2020:

a. V/v xin gia hạn hợp đồng thuê đất, khu đất có diện tích 13.127m² (đến ngày 31/12/2020 hết thời hạn thuê đất): Công ty đã làm thủ tục hồ sơ nộp tại Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố- Sở Tài nguyên Môi trường TP. HCM (Văn phòng Đăng ký đất đai) có giấy biên nhận nộp số 000091/2021 ngày 05/1/2021. Tuy nhiên đến ngày 05/3/2021, Văn phòng Đăng ký đất đai có văn bản trả lời số 2236/VPĐK-ĐK v/v hoàn trả hồ sơ đề nghị gia hạn sử dụng đất với lý do căn cứ theo quy định tại Điểm a khoản 1 điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì người sử dụng đất phải nộp hồ sơ trước khi hết hạn sử dụng đất tối thiểu 06 tháng để đề nghị gia hạn sử dụng đất và do chờ hướng dẫn giải quyết hồ sơ xin gia hạn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (*Sở TNMT thành phố đã có công văn số 7896/STNMT-QLĐ ngày 03/9/2020 đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về nội dung này*).

Ngày 11/3/2021, Công ty đã làm công văn số 14/CV-CNTS-TCKT gửi Sở Tài nguyên và Môi trường về việc xin hướng dẫn nghĩa vụ tài chính trong thời gian chờ gia hạn quyền sử dụng đất.

b. Về đất Trà Vinh: Do vướng mắc trong các thủ tục làm Hợp đồng ủy quyền sử dụng đất từ cá nhân sang Công ty nên tạm thời giữ nguyên trạng hồ sơ.

V/ Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Điều hành:

1. Về tổ chức sản xuất kinh doanh:

Tổng giám đốc đã điều hành tốt các hoạt động SXKD của Công ty. Theo đó, tuy lĩnh vực cơ khí đóng sửa tàu thuyền của Công ty nói riêng và cả nước nói chung là rất khó khăn, song Công ty vẫn duy trì ổn định sản xuất và có hiệu quả. Mặc khác, trong năm toàn bộ các lĩnh vực hoạt động của Công ty bị ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid 19. Tuy vậy, kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn có khả quan, tiếp tục đảm bảo các chỉ tiêu về chất lượng, sản lượng và hiệu quả, xét cả trường hợp tính đến chi phí trả lãi vay trong năm.

2. Về quản lý, sử dụng tài sản; quản trị doanh nghiệp:

- Sử dụng có hiệu quả các tài sản của Công ty vào sản xuất kinh doanh, không để tài sản hư hỏng, thất thoát hoặc không được khai thác sử dụng. Tổ chức thanh lý các tài sản không cần dùng để thu hồi vốn kinh doanh.

- Thực hiện đúng các cam kết của Công ty với các ngân hàng về thanh toán các khoản nợ xấu.

- Tiếp tục rà soát tổ chức sắp xếp lại văn phòng làm việc, bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn phù hợp yêu cầu thực tế tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, tiết kiệm chi phí; đảm bảo thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn lao động trong sản xuất, đảm bảo điều kiện làm việc và thu nhập của người lao động.

- Thực hiện và tiếp tục rà soát kỹ công nợ phải thu, phải trả của công ty và có tính biện pháp thu hồi hay trích lập dự phòng các khoản phải thu, phải trả theo đúng quy định của kế toán và kiểm toán.

3. Về thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT:

Tổng giám đốc đã tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT theo đúng nghĩa vụ và quyền hạn. Thực hiện tốt chế độ báo cáo kịp thời, đúng quy định.

Phần 2

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2021.

I/ Nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh Năm 2021.

1. Xác định định hướng, mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính Công ty của năm 2020 và dự báo thị trường trong thời gian sắp tới Công ty sẽ vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong lĩnh vực gia công cơ khí, đóng mới tàu thuyền, đặc biệt là sẽ thiếu hụt nguồn tiền để trả chủ nợ theo cam kết của công ty.

Những tháng đầu năm 2021, dịch cúm virus corona vẫn đang bùng phát nhiều ở các nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Dự đoán trong thời gian tới, tình hình dịch bệnh sẽ còn diễn biến rất phức tạp, ảnh hưởng đến tốc độ phát triển kinh tế trong nước cũng như có nhiều khó khăn trong hoạt động SXKD ở các lĩnh vực của Công ty trong năm nay.

Do vậy Công ty xác định định hướng, mục tiêu điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 như sau:

- Về lĩnh vực cơ khí đóng sửa tàu thuyền: Công ty tiếp tục đẩy mạnh khâu tiếp thị và tìm kiếm khách hàng lên đà sửa chữa nhỏ các loại tàu, sà lan và dịch vụ lên xuống triền các

tàu, du thuyền FRP phục vụ đăng kiểm theo định kỳ. Ngoài khách hàng truyền thống, Công ty mở rộng tiếp thị thêm thị trường mới.

- Dịch vụ cho thuê mặt bằng, kho, bãi: cố gắng khai thác các kho còn trống và tận dụng mặt bằng hiện có để tăng hiệu quả sử dụng.

- Dịch vụ cho thuê cầu cảng: Tiếp tục tiến hành bảo trì, sửa chữa cầu cảng số 1 & 2 định kỳ theo quy định.

- Tiến hành kiểm định, bảo dưỡng, sửa chữa để duy trì tải trọng 25 tấn theo quy định.

- Tiếp tục tiến hành gia hạn thời gian thuê khu đất 13.000m² theo quy định.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
I	TỔNG DOANH THU	Tỷ đồng	16,500	
1	Doanh thu đóng mới và sửa chữa tàu, gia công cơ khí, liên triền...	“	4,500	
2	Doanh thu kinh doanh dịch vụ...	“	12,000	
II	TỔNG CHI PHÍ	Tỷ đồng	16,400	
	<i>Trong đó: Chi phí trả lãi vay</i>	“	2,600	
III	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ			
1	Lợi nhuận trước thuế (<i>trường hợp tính bao gồm chi phí tài chính</i>)	Tỷ đồng	Lãi 0,100	
2	Lợi nhuận trước thuế (<i>trường hợp tính không bao gồm chi phí tài chính</i>)	Tỷ đồng	Lãi 2,700	

3. Các giải pháp thực hiện kế hoạch:

(1). Giải pháp về tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Triển khai ngay kế hoạch SXKD năm 2021 theo tinh thần Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

- + Chỉ đạo các phòng nghiệp vụ, các đơn vị sản xuất xây dựng kế hoạch chi tiết cho từng lĩnh vực kinh doanh, từng công trình đóng mới, sửa chữa tàu và tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã được thông qua.

- + Tiếp tục phát huy và làm tốt công tác tiếp cận thị trường, cố gắng tìm kiếm hợp đồng đóng mới tàu để duy trì và tạo công ăn việc làm cho Người lao động.

- + Tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng tới kế hoạch triển khai của Công ty.

- + Giữ vững củng cố và phát triển quan hệ với các nhà cung ứng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ổn định lâu dài.

- Giữ uy tín về chất lượng sản phẩm, tiến độ sản xuất đảm bảo, giá cả linh hoạt đáp ứng nhu cầu khách hàng. Duy trì tốt mối quan hệ với các đơn vị cùng ngành nghề và tất cả các khách hàng trong và ngoài khu vực...

- Bám sát và tiếp cận các cơ chế chính sách của Nhà nước về phát triển ngành thủy sản, ngành giao thông (biển, nội địa); đặc biệt là các chính sách trong lĩnh vực đóng, sửa tàu thuyền.

(2). Giải pháp về công tác tổ chức, nhân sự:

- Rà soát sắp xếp, tổ chức lại bộ máy nhân sự theo hướng tinh giản, gọn nhẹ để phát huy năng suất lao động, hiệu quả công việc.
- Áp dụng các quy chế chi tiêu nội bộ và tiền lương, thưởng hợp lý để thu hút lao động có trình độ cao, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

(3). Giải pháp về quản trị doanh nghiệp:

- Rà soát phân công nhiệm vụ trong HĐQT để tổ chức giám sát, hỗ trợ hiệu quả các hoạt động điều hành Công ty.
- Chú trọng phát triển yếu tố con người trong sản xuất kinh doanh, nghiên cứu xây dựng phương án, giải pháp, sáng kiến nhằm cải tiến trong quá trình sản xuất kinh doanh, nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí. Theo đó phát huy thế mạnh, tạo vị thế nhất định, nâng cao thương hiệu của Công ty trong lĩnh vực đóng, sửa tàu thuyền nói chung, đặc biệt là đóng, sửa tàu thuyền phục vụ cho Ngành thủy sản. Khai thác có hiệu quả nhất các nguồn lực và tài sản hiện có.
- Nghiên cứu xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ Công ty để phòng ngừa rủi ro cho doanh nghiệp.
- Quản lý chặt chẽ chi phí đảm bảo hiệu quả kinh doanh và kế hoạch lợi nhuận năm 2021.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét và thông qua.

Trân trọng./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TK Cty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Hữu Hạnh

PHỤ LỤC

**BÁO CÁO THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020
VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021**

TT	KHOẢN MỤC	ĐVT	TH 2019	KH 2020	TH 2020	So sánh %		KH 2021
						TH20/ TH19	TH20/ KH20	
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4=3/1)	(5=3/2)	(6)
I	TỔNG DOANH THU (1+2+3)	Tỷ đồng	20,534	15,000	17,102	62,8%	114 %	16,500
1	Doanh thu đóng tàu, sửa chữa tàu, gia công cơ khí, lên triển	“	7,268	3,200	4,508	62%	141	4,500
2	Doanh thu kinh doanh	“	12,701	11,800	12,478	98%	106%	12,000
2.1	<i>Doanh thu KDDV cầu cảng (thuê cầu cảng ...)</i>	"	1,440	1,440	1,440	100%	100%	1,476
2.2	<i>Doanh thu KDDV thuê kho, bãi...</i>	"	11,261	10,360	11,038	98%	106%	10,524
3	Doanh thu hoạt động tài chính	“	0,565	0	0,006			
III	TỔNG CHI PHÍ (1+...+5)	Tỷ đồng	22,412	15,800	17,394	77,6%	110%	16,400
1	Giá vốn hàng bán	“	9,544	5,157	7,625	80%	148%	7,098
	<i>Trong đó: trích chi phí dự phòng</i>	“			0,228			
2	Chi phí lương	“	5,650	5,573	5,197	92%	93%	5,292
	+ <i>Lương trực tiếp</i>	"	2,509	2,416	2,229	89%	92%	2,259
	+ <i>Lương gián tiếp</i>	"	2,865	2,869	2,680	93,5%	93%	2,745
	+ <i>Thù lao HĐQT, BKS</i>	"	0,276	0,288	0,288	100%	100%	0,288
3	Chi phí bán hàng	“	0,448	0,450	0,444	99%	100%	0,400
4	Chi phí quản lý	“	1,311	1,320	1,049	80%	79%	1,010
5	Chi phí tài chính (CP trả lãi vay ngân hàng)	“	5,459	3,300	3,079	56%	93%	2,600
IV	LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD, xác định trong các trường hợp:	Tỷ đồng						
1	Trường hợp có tính chi phí lãi vay	“	Lỗ 1,878	Lỗ 0,800	Lỗ 0,292	15,5%	36,5%	Lãi 0,100

2	Trường hợp không tính chi phí lãi vay và chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho,	“	Lãi 3,581	Lãi 2,500	Lãi 3,122	87%	125%	Lãi 2,700
V	THU NHẬP KHÁC	Tỷ đồng	3,520		0,110			
4.1	<i>Thu nhập từ bán thanh lý TSCĐ để cân trừ công nợ với ngân hàng</i>	“						
4.2	<i>Thu nhập từ NH NN&PTNT giảm chi phí lãi vay</i>	“	3,339					
4.3	<i>Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm tàu</i>	“						
4.4	<i>Thu nhập khác từ xử lý tài chính, thanh lý TSCĐ...</i>	“	0,181		0,110			
VI	CHI PHÍ KHÁC	Tỷ đồng	0,056		0,003			
VII	LỢI NHUẬN KHÁC (V-VI)	Tỷ đồng	3,464		0,107			
VIII	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Tỷ đồng	Lãi 1,586	Lỗ 0,800	Lỗ 0,185			Lãi 0,100
IX	CHI PHÍ THUẾ TNDN	Tỷ đồng	0					
X	LỢI NHUẬN SAU THUẾ (VIII-IX)	Tỷ đồng	Lãi 1,586		Lỗ 0,185			

BÁO CÁO
THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020 CỦA CÔNG TY
VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 (ĐHĐCĐ) thông qua một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020; Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản trình Hội đồng Quản trị kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương hướng kế hoạch năm 2021, như sau:

I/ Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.

1. Thuận lợi & khó khăn:

a) Thuận lợi.

- Hội đồng quản trị Công ty luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty, đề ra các chủ trương, quyết sách đúng đắn nhằm định hướng và chỉ đạo kịp thời, cùng Ban Tổng Giám đốc tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong sản xuất kinh doanh.

- Với lợi thế của Công ty là hoạt động trong Ngành thủy sản về lĩnh vực cơ khí tàu thuyền gần 30 năm qua, đã có kinh nghiệm nhất định để tiếp thị, tư vấn, đóng mới và sửa chữa các mẫu tàu cá, sà lan, tàu công tác các loại, ...

- Với mặt bằng sẵn có, Công ty vẫn tiếp tục duy trì các hình thức kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, nhà xưởng, cầu cảng, ... và tiếp tục triển khai công tác tìm kiếm đối tác hợp tác kinh doanh dịch vụ, tận dụng tối đa cơ sở mặt bằng sẵn có nhằm tăng doanh thu cho Công ty.

b) Khó khăn.

Tuy có những thuận lợi nêu trên, nhưng Công ty cũng gặp không ít khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh sau:

- Việc trả nợ và xử lý công nợ ngân hàng vẫn gặp rất nhiều khó khăn. Các chỉ số về tài chính, hàng hóa cũ, lạc hậu tồn kho không sử dụng được của Công ty do các năm trước để lại vẫn đang khó xử lý.

- Tình hình dịch bệnh Covid-19 trong năm diễn biến phức tạp, kéo dài, ... ảnh hưởng đến tất cả các lĩnh vực kinh doanh hiện nay: Cơ khí và đóng sửa tàu thuyền, kinh doanh kho bãi.

- Về cơ khí đóng tàu: Tình hình đóng mới, sửa chữa tàu và sà lan hiện đang trong giai đoạn khó khăn do dịch bệnh và bị cạnh tranh mạnh của các đơn vị cùng ngành. Mô hình quản trị doanh nghiệp của Công ty tuy có điều chỉnh nhưng vẫn còn hạn chế. Năng

suất lao động trong sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ và khả năng cạnh tranh giữa các đơn vị cùng ngành không cao, nhiều máy móc thiết bị cũ, lạc hậu, gánh nặng các khoản chi phí như phí trả nợ ngân hàng, ... Tình hình sản xuất trong thời gian này vẫn chủ yếu thực hiện các công trình sửa chữa nhỏ các loại tàu, sà lan và dịch vụ lên xuống triển các tàu, du thuyền FRP phục vụ đăng kiểm theo định kỳ.

- Về dịch vụ cho thuê mặt bằng kho, bãi: Dịch vụ thuê mặt bằng kho của Công ty trong những tháng cuối năm gặp nhiều khó khăn, bị ảnh hưởng bởi tốc độ tăng trưởng trong nước giảm vì dịch Covid-19. Do làm ăn khó khăn nên khách hàng thuê kho liên tục trả lại mặt bằng thuê, hiện nhu cầu sử dụng kho trên thị trường đang giảm. Các kho của Công ty đã xây dựng và đưa vào sử dụng đã lâu, hiện nay đã xuống cấp đặc biệt là phần mái bị mục và dột nước, cần được sửa chữa, thay mới thường xuyên.

- Về khai thác dịch vụ cầu cảng: Từ ngày 15/8/2020 cầu cảng 2 được Công ty TNHH và SX Dầu thực vật Minh Huê thuê để khai thác làm dịch vụ cho sà lan tập kết để trung chuyển dầu thực vật. Còn cầu cảng 1 vẫn cho Công ty TNHH PGG Marina thuê. Hiện nay kết cấu cầu cảng cũng bị xuống cấp đặc biệt là cầu cảng 1, vùng nước trước bến nhiều năm không nạo vét nay bồi lấp nhiều.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong điều kiện nguồn vốn lưu động hạn hẹp, chủ yếu nhờ vào tiền tạm ứng và vốn thanh toán của chủ đầu tư.

- Trong năm 2020, các ngân hàng tiếp tục gây áp lực và dùng các biện pháp tài chính để thu hồi nhiều các nợ cũ của các năm trước.

2. Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020.

2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu.

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 được thể hiện bằng số liệu các chỉ tiêu tài chính, cụ thể sau:

TT	Chỉ tiêu tài chính	Đvt	Kế hoạch năm 2020	TH năm 2020	Tỷ lệ % so với KH
I	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	15,000	17,102	114,01%
1	Đóng mới, sửa chữa tàu, gia công cơ khí, lên triển, ...	Tỷ đồng	3,200	4,508	140,9%
2	Dịch vụ cho thuê mặt bằng, bến bãi, cầu cảng, dịch vụ điện nước, ...	Tỷ đồng	11,800	12,478	105,74%
2.1	<i>Dịch vụ cho thuê khai thác cầu cảng</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>1,440</i>	<i>1,440</i>	<i>100%</i>
2.2	<i>Dịch vụ thuê kho, bãi, bốc xếp, ...</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>10,360</i>	<i>11,038</i>	<i>106,54%</i>
3	Doanh thu khác	Tỷ đồng		0,116	
3.1	<i>Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác (lãi NH, thanh lý, phế liệu...)</i>	<i>Tỷ đồng</i>		<i>0,00057</i>	
3.2	<i>Thu nhập khác</i>	<i>Tỷ đồng</i>		<i>0,110</i>	

TT	Chỉ tiêu tài chính	Đvt	Kế hoạch năm 2020	TH năm 2020	
III	Tổng chi phí		15,800	17,059	107,97%
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(0,800)	0,043	
VI	Lợi nhuận trước thuế (không bao gồm lãi vay, thanh lý đất, trích lập dự phòng hàng tồn kho, thuế CNBDS, ...)	Tỷ đồng	2,500	3,122	

2.2. Đánh giá về kết quả thực hiện và nguyên nhân.

Trong năm 2020 tiếp tục gặp nhiều khó khăn với những nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan. Tuy nhiên với sự phấn đấu, cố gắng của toàn thể lãnh đạo và CBCNV trong Công ty đã hoàn thành và vượt các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 đề ra.

a) Sản xuất đóng mới và sửa tàu thuyền:

Hoạt động sản xuất của Công ty trong năm 2020 vẫn chủ yếu thực hiện các công trình sửa chữa nhỏ các loại tàu, sà lan và dịch vụ lên xuống triền các tàu, du thuyền FRP phục vụ đăng kiểm theo định kỳ. Trong đó có 01 hợp đồng đóng mới tàu chở dầu thực vật, 30 hợp đồng sửa chữa tàu – sà lan, gia công cơ khí. Đối với lĩnh vực đóng tàu vỏ composite, có 03 hợp đồng đóng mới vỏ ca nô, 29 hợp đồng sửa chữa tàu, dịch vụ du thuyền lên đà đăng kiểm định kỳ, dịch vụ neo đậu sửa chữa và gia công các sản phẩm FRP khác.

b) Kinh doanh cầu cảng, kho, bãi và dịch vụ:

b.1) Kinh doanh cho thuê kho, bãi và dịch vụ: Trong năm 2020, việc cho thuê kho bãi không ổn định, diện tích thuê kho những tháng cuối năm 2020 hiện đạt khoảng 75% công suất do ảnh hưởng dịch bệnh COVID-19, nhưng doanh thu cả năm cho thuê kho, bãi vẫn tăng và vượt các chỉ tiêu kế hoạch.

b.2) Kinh doanh dịch vụ cầu cảng: cầu cảng vẫn được Công ty TNHH và SX Dầu thực vật Minh Huê và Công ty TNHH PPG Marina thuê ổn định.

Trong năm 2020 đã tiến hành sửa chữa cầu cảng 2, khảo sát khu nước trước bến và thông báo hàng hải.

c) Tổng doanh thu:

Tổng doanh thu trên tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020: 17,102 tỷ đồng đạt 114,01% kế hoạch, bằng 62,76% so với năm 2019. Bao gồm:

c.1) Doanh thu đóng mới tàu, sửa chữa, gia công cơ khí, lên triền: 4,508 tỷ đồng đạt 140,88% KH, bằng 62,05% so với năm 2019.

Nguyên nhân giảm: Trong năm 2020, Công ty rất khó khăn trong việc tìm kiếm các khách cũ truyền thống và mới về Công ty để sửa chữa tàu, gia công cơ khí, dịch vụ lên xuống triền, ... Nhưng bằng sự cố gắng của tập thể CBCNV trong Công ty, doanh thu sản xuất vẫn tăng so với kế hoạch đề ra.

c.2) Doanh thu kinh doanh dịch vụ kho bãi, và cho thuê cầu cảng: 12,478 tỷ đồng, đạt 105,74% KH, bằng 98,24% so với năm 2019.

Nguyên nhân giảm: Do ảnh hưởng dịch bệnh COVID-19, những tháng cuối năm 2020 có nhiều hợp đồng thuê kho bị thanh lý. Tuy nhiên doanh thu vẫn đạt và tăng nhẹ so với kế hoạch.

d) Tổng chi phí: 17,059 tỷ đồng, tăng 9,97% so với KH và bằng 64,48% so với cùng kỳ năm 2019.

Nguyên nhân chính tổng chi phí giảm do doanh thu các công trình đóng mới, sửa chữa; Chi phí xây dựng mới và sửa chữa kho, bãi trong năm đều giảm.

e) Lợi nhuận trước thuế: Lợi nhuận trước thuế bao gồm chi phí trả lãi vay ngân hàng: **0,043 tỷ đồng**, tăng nhiều so với kế hoạch do năm 2020 Công ty trả nợ nhiều cho các ngân hàng, chính sách giảm lãi vay của Ngân hàng nông nghiệp, doanh thu sản xuất, cho thuê kho bãi đều tăng nhẹ và chi phí giảm.

Lợi nhuận trước thuế không bao gồm chi phí trả lãi vay ngân hàng, thanh lý đất, trích lập dự phòng hàng tồn kho, thuế chuyển nhượng BĐS: 3,122 tỷ đồng bằng 124,88 % so với KH.

3. Về hoạt động tài chính: Ngoài hoạt động đảm bảo cân đối nguồn vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm, Công ty tiếp tục xử lý các tồn tại về tài chính từ các năm trước để lại.

Các tồn tại về tài chính nhất là công nợ khó đòi tuy đã được Công ty xử lý trích dự phòng nhưng vẫn làm ảnh hưởng tới báo cáo tài chính của Công ty về sự mất cân đối nguồn vốn, khả năng thanh toán thấp,...

Công ty vẫn đang chỉ đạo các Phòng ban, Xí nghiệp, bộ phận kho cảng Biển Đông có liên quan đàm phán với khách hàng nợ, tìm biện pháp để thu hồi công nợ, nhằm tránh các thiệt hại cho Công ty.

Các khoản nợ phải trả, chủ yếu là nợ ngân hàng, Công ty TNHH Mua Bán nợ Việt Nam. Đây là các khoản nợ tồn tại từ các năm trước để lại.

4. Về công tác tổ chức cán bộ:

Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, trong năm Công ty chủ động cơ cấu, tổ chức sắp xếp lại văn phòng làm việc, bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn để đảm bảo tính linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đến nay, giữa các phòng ban, Xí nghiệp, bộ phận kho cảng Biển Đông của Công ty vẫn phối hợp tương đối nhịp nhàng trong công việc.

Bố trí sắp xếp lại nhân sự để đảm bảo, phù hợp cho sản xuất.

5. Công tác điều hành của Ban giám đốc:

Với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, trong năm Ban giám đốc đã triển khai thực hiện một số công việc chủ yếu sau:

- Tiếp tục sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy để quản lý hiệu quả hơn.
- Tập trung tăng cường công tác bảo vệ, an toàn, đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy tại các bộ phận sản xuất, văn phòng trụ sở Công ty, ...
- Xây dựng quy định của Công ty đối với các khách hàng thuê kho bãi về vệ sinh môi trường công nghiệp và công tác phòng chống cháy nổ.

- Thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, sử dụng hiệu quả nguồn vốn, đảm bảo nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện một cách nghiêm túc các quy định về an toàn lao động trong sản xuất, trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, cải thiện tốt hơn điều kiện làm việc của người lao động, không để xảy ra tai nạn lao động đáng tiếc nào xảy ra.

Đánh giá chung: Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên tất cả các lĩnh vực đều vượt các chỉ tiêu kế hoạch. Riêng trong kinh doanh kho, bãi hiện đang gặp nhiều khó khăn chung trên thị trường, Công ty đã tích cực, chủ động tìm kiếm khách hàng thuê các kho còn trống. Trong lĩnh vực gia công và sửa chữa tàu, mặc dù có nhiều quyết tâm, phấn đấu của bộ phận sản xuất nhưng vẫn có rất ít công trình gia công và sửa chữa tàu. Bù lại các hợp đồng sản xuất trong năm có doanh thu nhỏ nhưng hiệu quả tương đối cao do chi phí sản xuất ít và việc thu hồi vốn nhanh.

Năm 2020 có nhiều biến động và rất khó khăn, đặc biệt đại dịch COVID-19 diễn biến rất phức tạp, ảnh hưởng đến tốc độ phát triển kinh tế trong nước. Tuy nhiên các chỉ tiêu về doanh thu, chỉ tiêu lợi nhuận do ĐHCĐ đề ra đều tăng so với kế hoạch. Đây là thành quả đáng khích lệ của tập thể Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên của toàn Công ty.

Trong năm 2020, Công ty đã hoàn thành các việc sau:

- Chứng nhận cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu sông theo Nghị định 128/2018/NĐ-CP ngày 24/9/2018.

- Chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển theo Nghị định 37/2017/NĐ-CP và Nghị định 147/2018/NĐ-CP.

II/ Dự kiến kế hoạch năm 2021 và giải pháp thực hiện:

1. Các chỉ tiêu phấn đấu:

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính Công ty của năm 2021 và dự báo thị trường trong thời gian sắp tới Công ty sẽ vẫn còn gặp nhiều khó khăn ở trong tất cả các lĩnh vực hoạt động SXKD, đặc biệt trong năm 2021 sẽ thiếu hụt nguồn tiền để trả chủ nợ theo cam kết của công ty.

Những tháng đầu năm 2021, dịch cúm virus corona vẫn đang bùng phát nhiều ở các nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Dự đoán trong thời gian tới, tình hình dịch bệnh sẽ còn diễn biến rất phức tạp, ảnh hưởng đến tốc độ phát triển kinh tế trong nước cũng như có nhiều khó khăn trong hoạt động SXKD ở các lĩnh vực của Công ty trong năm nay. Do vậy Công ty đã xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, như sau:

TT	Chỉ tiêu tài chính	Đvt	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021
I	TỔNG DOANH THU		17,102	16,500
1	Doanh thu đóng mới, sửa chữa tàu, gia công cơ khí, lên triển, ...	Tỷ đồng	4,508	4,500

TT	Chỉ tiêu tài chính	Đvt	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021
2	Doanh thu dịch vụ cho thuê mặt bằng, bến bãi, cầu cảng, dịch vụ điện nước, ...	Tỷ đồng	12,478	12,000
2.1	<i>Dịch vụ cho thuê khai thác cầu cảng</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>1,440</i>	<i>1,476</i>
2.2	<i>Dịch vụ thuê kho, bãi, bốc xếp, ...</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>11,038</i>	<i>10,524</i>
3	Doanh thu khác	Tỷ đồng	0,116	
3.1	<i>Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác (lãi NH, thanh lý, phế liệu ...)</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>0,0057</i>	
3.2	<i>Thu nhập khác</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>0,110</i>	
II	TỔNG CHI PHÍ	Tỷ đồng	17,059	16,400
1	Giá vốn hàng bán (không gồm CP lương)	Tỷ đồng	7,286	7,098
2	Chi phí lương	Tỷ đồng	5,197	5,292
3	Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	0,444	0,400
4	Chi phí quản lý	Tỷ đồng	1,049	1,010
5	Chi phí tài chính (lãi vay)	Tỷ đồng	3,079	2,600
6	Chi phí khác	Tỷ đồng	0,0028	
III	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Tỷ đồng	0,043	0,100
IV	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (<i>không bao gồm lãi vay, thanh lý đất, trích lập dự phòng hàng tồn kho, thuế CNBDS, ...</i>)	Tỷ đồng	3,122	2,700

1.1. Xác định mục tiêu kế hoạch:

- Cơ khí đóng sửa tàu thuyền: Khả năng đấu thầu cạnh tranh để tham gia đóng tàu giữa các đơn vị cùng Ngành là không thể; vì vậy năm 2021, Công ty tiếp tục đẩy mạnh khâu tiếp thị và tìm kiếm khách hàng sửa chữa nhỏ các loại tàu, sà lan và dịch vụ lên xuống triền các tàu, du thuyền FRP phục vụ đăng kiểm theo định kỳ.

- Dịch vụ cho thuê mặt bằng, kho, bãi: Năm 2021 cố gắng khai thác các kho còn trống và tận dụng mặt bằng hiện có để tăng hiệu quả sử dụng.

- Dịch vụ cho thuê cầu cảng: Theo thông tư 52/2017/TT-BGTVT ngày 29/12/2017 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về bảo trì công trình hàng hải và quy trình bảo trì cầu cảng số 1 & 2 cảng Biển Đông lập ngày 26/6/2018. Trong năm 2021 Công ty sẽ tiếp tục tiến hành bảo trì, sửa chữa cầu cảng số 1 & 2 định kỳ theo quy định.

- Tiến hành kiểm định, bảo dưỡng, sửa chữa để duy trì tải trọng 25 tấn theo quy định.

- Tiếp tục tiến hành gia hạn thời gian thuê khu đất 13.000 m² theo quy định.

1.2. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

- Đảm bảo an toàn lao động, an ninh trật tự, an toàn xã hội, không để xảy ra cháy nổ, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, cấp phát đầy đủ bảo hộ lao động, ngăn ngừa và phòng chống tệ nạn xã hội, không để xảy ra tiêu cực, tham nhũng, làm thất thoát tài sản, xây dựng nếp sống văn minh lịch thiệp, không có người vi phạm kỷ luật.

- Thực hiện đầy đủ các chính sách BHXH, BHYT, BHTN, hưu trí, ốm đau, thai sản cho người lao động, giữ gìn cảnh quan môi trường luôn sạch đẹp, duy trì và đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong cán bộ CNVC toàn Công ty.

- Tăng cường công tác quản lý tài chính về công nợ, hàng tồn kho, quản trị rủi ro đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận theo kế hoạch.

- Thực hiện và triển khai sản xuất theo chỉ đạo của HĐQT.

2. Các giải pháp thực hiện:

- Chú trọng phát triển yếu tố con người trong sản xuất kinh doanh, nghiên cứu xây dựng phương án, giải pháp, sáng kiến nhằm cải tiến trong quá trình sản xuất kinh doanh, nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí. Theo đó phát huy thể mạnh, tạo vị thế nhất định, nâng cao thương hiệu của Công ty trong lĩnh vực đóng, sửa tàu thuyền nói chung, đặc biệt là đóng, sửa tàu thuyền phục vụ cho Ngành thủy sản. Khai thác có hiệu quả nhất các nguồn lực và tài sản hiện có.

- Áp dụng các quy chế chi tiêu nội bộ và tiền lương, thưởng hợp lý để thu hút lao động có trình độ cao, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Giữ vững củng cố và phát triển quan hệ với các nhà cung ứng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ổn định lâu dài.

- Bám sát và tiếp cận các cơ chế chính sách của Nhà nước về phát triển ngành thủy sản, ngành giao thông (biển, nội địa); đặc biệt là các chính sách trong lĩnh vực đóng, sửa tàu thuyền.

- Giữ uy tín về chất lượng sản phẩm, tiến độ sản xuất đảm bảo, giá cả linh hoạt đáp ứng nhu cầu khách hàng. Duy trì tốt mối quan hệ với các đơn vị cùng ngành nghề và tất cả các khách hàng trong và ngoài khu vực...

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch 2020 và dự kiến kế hoạch năm 2021. Kính trình Hội đồng Quản trị Công ty thảo luận và thông qua.

Nơi nhận:

- HĐQT Công ty;
- Ban Kiểm soát Cty;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Kế toán trưởng Cty;
- Lưu: VT, TK Cty.

TỔNG GIÁM ĐỐC 



Trương Tùng Hưng

**BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020
VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021**

TT	Khoản mục	Đvt	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	So sánh %		
							TH20/TH19	TH20/KH20	KH21/TH20
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5/3)	(7=5/2)
I	TỔNG DOANH THU	Tỷ đồng	27,248	15,000	17,102	16,500	62,76%	114,01%	96,48%
1	Doanh thu đóng tàu	Tỷ đồng	7,266	3,200	4,508	4,500	62,05%	140,88%	99,82%
	Doanh thu đóng mới, sửa chữa tàu, gia công cơ khí, lên triển, ...	Tỷ đồng	7,266	3,200	4,508	4,500	62,05%	140,88%	99,82%
2	Doanh thu kinh doanh	Tỷ đồng	12,701	11,800	12,478	12,000	98,24%	105,74%	96,17%
2.1	Doanh thu KDDV cầu cảng (thuê cầu cảng ...)	"	1,440	1,440	1,440	1,476	100,00%	100,00%	102,50%
2.2	Doanh thu KDDV thuê kho bãi...	"	11,261	10,360	11,038	10,524	98,02%	106,54%	95,35%
3	Doanh thu khác	Tỷ đồng	7,282	-	0,116	-			-
3.1	Doanh thu hoạt động tài chính (Lãi tiền gửi)	Tỷ đồng	0,572		0,0057				-
3.2	Thu nhập khác	Tỷ đồng	6,710		0,110				-
3.3	Doanh thu bán hàng hoá	Tỷ đồng	-		-				
II	TỔNG CHI PHÍ	Tỷ đồng	25,659	15,800	17,059	16,400	66,48%	107,97%	96,14%
1	Giá vốn (không bao gồm CP lương)	Tỷ đồng	9,481	5,157	7,286	7,098			
2	Chi phí lương	Tỷ đồng	5,715	5,573	5,197	5,292			
3	Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	0,448	0,450	0,444	0,400			
4	Chi phí quản lý	Tỷ đồng	1,311	1,320	1,049	1,010			
5	Chi phí tài chính (chi phí lãi vay)	Tỷ đồng	5,459	3,300	3,079	2,600			
6	Chi phí khác	Tỷ đồng	3,245		0,0028				
III	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Tỷ đồng	1,586	(0,800)	0,043	0,100			
IV	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (không bao gồm chi phí tài chính: lãi vay, thanh lý đất, trích lập dự phòng hàng tồn kho, thuế CNBĐS, ...)	Tỷ đồng	7,045	2,500	3,122	2,700			

TP Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản;

Căn cứ kết quả kiểm tra, đánh giá, phân tích của Ban kiểm soát đối với tình hình sản xuất kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty;

Ban kiểm soát báo cáo với Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2020 như sau:

I- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

1. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020

Số liệu chi tiết về tình hình tài sản và nguồn vốn của công ty xin quý cổ đông xem trong tài liệu đã được gửi tới quý cổ đông. Tôi xin báo cáo tóm tắt phần ý kiến của Ban kiểm soát đối với BCTC 2020 như sau:

1.1 Tình hình Tài sản và Nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2020

a. Tổng tài sản: 15.182.887.999 đồng, bao gồm:

- Tiền và các khoản tương đương tiền:	698.107.170 đồng
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	0 đồng
- Các khoản phải thu ngắn hạn:	120.666.016.143 đồng
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(119.884.215.131) đồng
- Hàng tồn kho:	5.562.910.669 đồng
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:	(3.118.391.935) đồng
- Tài sản ngắn hạn khác:	141.161.301 đồng
- Tài sản cố định hữu hình:	5.152.836.602 đồng
- Tài sản cố định vô hình:	865.000.000 đồng
- Đầu tư tài chính dài hạn:	12.801.833.320 đồng
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn:	(7.912.582.707) đồng
- Tài sản dài hạn khác:	201.212.567 đồng

b. Tổng nguồn vốn: 15.182.887.999 đồng, bao gồm:

- Nợ ngắn hạn:	111.387.254.925 đồng
----------------	----------------------

Trong đó:

+ Nợ vay ngắn hạn trong đó:	32.353.400.000 đồng
- Vay ViettinBank	2.299.000.000 đồng
- Vay Agribank	30.054.400.000 đồng
+ Phải trả ngắn hạn khác trong đó:	73.612.919.564 đồng
- Cty TNHH Mua bán nợ VN	13.540.000.000 đồng
- Lãi Vay ViettinBank	32.443.483.286 đồng
- Lãi Vay Agribank	26.512.356.828 đồng
- Khác	1.117.079.450 đồng
+ Phải trả người bán:	3.718.348.410 đồng
+ Các khoản phải trả khác:	1.702.586.951 đồng
- Nợ dài hạn:	702.800.000 đồng
- Vốn chủ sở hữu:	(96.907.166.926) đồng

1.3 Ý kiến của Ban kiểm soát đối với BCTC 2020

Ban kiểm soát đồng ý với ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán và lưu ý Công ty về các vấn đề sau:

- Công ty đang ghi nhận Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất tại Trà Vinh trị giá 865.000.000 đồng nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cá nhân là chưa phù hợp với quy định hiện hành;

- Các khoản đầu tư dài hạn tại ngày 31/12/2019 là 12.801.833.320 đồng, Công ty đã trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư này là 7.912.582.707 đồng và chưa xem xét số dự phòng các khoản đầu tư dài hạn nêu trên cần hoàn nhập hay trích lập bổ sung do Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính năm 2020 của các đơn vị nhận đầu tư và các đơn vị này cũng chưa giao dịch trên các sàn giao dịch chứng khoán.

Ban kiểm soát đồng ý với ý kiến vấn đề cần nhấn mạnh của đơn vị kiểm toán và lưu ý Cổ đông về khả năng hoạt động liên tục của Công ty do trong Báo cáo tài chính năm 2020 ghi nhận khoản lỗ tích lũy vượt vốn chủ sở hữu số tiền là 96.907.166.926 đồng và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 107.321.666.708 đồng. Đồng thời, Công ty có các khoản nợ gốc và lãi vay đã quá hạn lần lượt là 32.353.400.000 VND và 58.955.840.114 VND nhưng chưa thực hiện gia hạn với ngân hàng.

Theo ý kiến của Ban kiểm soát, ngoại trừ ảnh hưởng của các ý kiến ngoại trừ nêu trên, Báo cáo tài chính năm 2020 do Công ty lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020**Tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020**

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2020		Thực hiện năm 2019	So sánh	
			KH được ĐHCĐ thông qua	Thực hiện 2020		KH	TH 2019
I	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	15,000	17,102	27,245	114%	63%
1	Đóng mới, sửa chữa tàu thuyền	Tỷ đồng	3,200	4,508	7,266	141%	62%
2	Kinh doanh và DV	Tỷ đồng	11,800	12,478	12,704	106%	98%
3	Thu nhập khác	Tỷ đồng	-	0,116	7,275		
3.1	Thanh lý nhượng bán TSCĐ	Tỷ đồng	-	0,110	3,189		
3.2	Lãi vay được Ngân hàng miễn giảm	Tỷ đồng	-	-	3,339		
3.3	Hoàn nhập dự phòng bảo hành sp đóng tàu + khác	Tỷ đồng	-	-	0,181		
3.4	Doanh thu hoạt động tài chính (Lãi tiền gửi)	Tỷ đồng	-	0,006	0,565		
II	Tổng chi phí	Tỷ đồng	15,800	17,287	25,658	109%	67%
	Trong đó: Chi phí lãi vay	Tỷ đồng	3,300	3,079	5,459		
	Chi phí dự phòng trích lập năm 2020	Tỷ đồng	0,230	-	-		
	Nguyên giá TSCĐ	Tỷ đồng	-	0,442	3,181		
	Chi phí bán TSCĐ	Tỷ đồng	-	-	0,064		
III	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-	-	-		
	LN trước thuế bao gồm chi phí trả lãi vay		(0,800)	(0,185)	1,586		
	LN trước thuế Không bao gồm chi phí trả lãi vay		2,500	2,894	7,046		

Nhận xét:

Về việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 giao:

- Hoàn thành vượt đối với chỉ tiêu Tổng doanh thu: kế hoạch là 15 tỷ đồng, thực hiện là 17,102 tỷ đồng vượt 14% kế hoạch, do trong năm Công ty có 1 hợp đồng đóng mới tàu chở dầu và các hợp đồng sửa chữa tàu – sà lan, gia công cơ khí.

- Đối với chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế: Kế hoạch lỗ 800 triệu đồng (bao gồm chi phí lãi vay); thực hiện lỗ 185 triệu đồng, nguyên nhân giảm lỗ là do trong năm Công ty đã trả nợ Ngân hàng khoảng 6,33 tỷ đồng nên giảm lãi vay. Thanh lý 01 xe cẩu, 02 xe nâng đã khấu hao hết và không sử dụng, doanh thu trong lĩnh vực đóng mới và sửa chữa tàu thuyền tăng so với kế hoạch do Công ty tăng cường tìm kiếm khách hàng mới và duy trì khách hàng cũ. Dịch vụ cho thuê kho bãi cầu cảng cũng tăng nhẹ.

II-Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

1. Đối với Hội đồng quản trị

- HĐQT thực hiện nhiệm vụ, chức năng theo đúng điều lệ quy định và quy chế hoạt động của HĐQT, thường xuyên tổ chức các cuộc họp chính thức và lấy ý kiến bằng văn bản để bám sát và chỉ đạo kịp thời hoạt động SXKD của Công ty.

- Ban kiểm soát đồng ý với nội dung Báo cáo hoạt động của HĐQT trong năm 2020 tại ĐHCĐ thường niên năm 2021;

- Trong năm 2020 không có kiến nghị, yêu cầu thực hiện việc kiểm tra nào đối với Hội đồng quản trị hay cá nhân các thành viên HĐQT.

2. Đối với Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

- Ban Tổng giám đốc đã tạo được môi trường làm việc thân thiện, đoàn kết, ổn định trong Công ty;

- Trong năm 2020 không có kiến nghị, yêu cầu thực hiện việc kiểm tra nào đối với Tổng giám đốc hay cá nhân các cán bộ quản lý khác.

III – Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông

- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc thường xuyên liên lạc và trao đổi với nhau qua các hình thức điện thoại hoặc email ngoài các cuộc họp chính thức để thực hiện nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao;

- Các cuộc họp của HĐQT đều có thư mời BKS tham dự, Biên bản họp và Nghị quyết của HĐQT trong năm 2020 được gửi đầy đủ đến Ban kiểm soát;

- Các Quyết định và tài liệu quan trọng do Công ty phát hành được gửi đầy đủ đến Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo cách như đối với thành viên HĐQT;

- Quyền tiếp cận thông tin của Ban kiểm soát được đảm bảo;

- Trong năm 2020 không có kiến nghị, yêu cầu thực hiện việc kiểm tra nào từ phía cổ đông.

IV– Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

1. Các hoạt động chính của Ban kiểm soát trong năm 2020:

- Thực hiện xem xét giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty và thực hiện các nội dung theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020, các Nghị quyết của HĐQT;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng của Ban giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

- Giám sát các hoạt động của Công ty để đảm bảo tuân thủ theo pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

- Kiểm tra các hoạt động chính của Công ty như: Các công trình đóng & sửa chữa tàu, hoạt động khai thác dịch vụ cầu cảng & cho thuê kho bãi, chi phí lương, sự phù hợp giữa doanh thu và chi phí,...

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị;

- Trong năm 2020, BKS đã có 4 kỳ làm việc để kiểm tra giám sát toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là Quý 1/2020, 6 tháng, 9 tháng và cả năm 2020;

Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong công tác kiểm tra giám sát; nhưng vẫn duy trì được sự độc lập của mình trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

Thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát trong năm 2020 là 84.000.000 đồng.

Thành viên BKS



Huỳnh Văn Đặng Thị Lệ Hoa

Thành viên BKS



Vũ Thị Hồng Gấm



Trưởng Ban kiểm soát



Võ Quốc Việt

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Số: **25 /TTr-CNTS-HĐQT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

**V/v thông qua Báo Cáo Tài Chính kiểm toán năm 2020
của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản.**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản.**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Công Nghiệp Thủy sản;

Căn cứ Nghị quyết phiên họp Hội đồng Quản trị thường kỳ Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản số 23 /NQ-CNTS-HĐQT ngày 06/4/2021 v/v thông qua chương trình và các nội dung tài liệu tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét và thông qua Báo cáo Tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam – Địa chỉ: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng là Công ty kiểm toán được Bộ Tài Chính và UBCKNN cấp phép.

(Báo cáo đã được gửi tới các Quý cổ đông và đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty <http://www.seameco.com.vn>).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, Thư ký Cty.



Trần Hữu Hạnh

TỜ TRÌNH

V/v thông qua một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Công Nghiệp Thủy sản;

Căn cứ Nghị quyết phiên họp Hội đồng Quản trị thường kỳ của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản số 23 /NQ-CNTS-HĐQT ngày 06/4/2021;

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét và thông qua một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 với các nội dung chính như sau:

TT	Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	16,500	
1.1	Đóng mới, sửa chữa tàu thuyền	Tỷ đồng	4,500	
1.2	Kinh doanh và dịch vụ	Tỷ đồng	12,000	
	Gồm: + KDDV thuê cầu cảng ...	Tỷ đồng	1,476	
	+ KDDV thuê kho, bãi ...	Tỷ đồng	10,524	
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	16,400	
	Trong đó: Chi phí lãi vay	Tỷ đồng	2,600	
3	Lợi nhuận trước thuế			
3.1	Lợi nhuận trước thuế bao gồm chi phí trả lãi vay	Tỷ đồng	0,100	
3.2	Lợi nhuận trước thuế không bao gồm chi phí trả lãi vay	Tỷ đồng	2,700	

Kế hoạch chi cổ tức: Năm 2021, Công ty không chia cổ tức

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, Thư ký Cty.



Trần Hữu Hạnh

Số: 27 /TTr-CNTS-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

**V/v thông qua Báo cáo thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2020
và kế hoạch chi trả năm 2021.**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản.**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Công Nghiệp Thủy sản;

Căn cứ Nghị quyết phiên họp Hội đồng Quản trị thường kỳ Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản số 23 /NQ-CNTS-HĐQT ngày 06/4/2021 v/v thông qua chương trình và các nội dung tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021;

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét và thông qua việc thực hiện chi trả thù lao Hội đồng Quản trị, thù lao Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch chi trả năm 2021, như sau:

1. Thực hiện chi trả thù lao HĐQT, thù lao Ban kiểm soát công ty năm 2020.

TT	Chức vụ	Thù lao	Tổng thù lao	Ghi chú
1	Hội đồng quản trị (gồm 05 thành viên HĐQT)	51.000.000 đ/quý x 4 quý	204.000.000 đ	
2	Ban kiểm soát (gồm 03 thành viên BKS)	21.000.000 đồng/quý x 4 quý	84.000.000 đ	
Tổng cộng :			288.000.000 đ	
Bằng chữ: Hai trăm tám mươi tám triệu đồng				

2. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, thù lao Ban kiểm soát năm 2021:

TT	Chức vụ	Thù lao	Tổng thù lao
1	Hội đồng quản trị	51.000.000 đ/quý x 4 quý	204.000.000 đ
2	Ban kiểm soát	21.000.000đ/quý x 4 quý	84.000.000 đ
Tổng cộng :			288.000.000 đ
Bằng chữ: Hai trăm tám mươi tám triệu đồng./			

Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị phân phối chi trả thù lao HĐQT, BKS theo quý trong năm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, Thư ký Cty.



Trần Hữu Hạnh

TỜ TRÌNH

**V/v ĐHCĐ thường niên 2021 ủy quyền cho Hội đồng quản trị
lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021
của Công ty trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát công ty**

***Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản.***

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020`;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP Công nghiệp Thủy sản;

Căn cứ Nghị quyết phiên họp Hội đồng Quản trị thường kỳ Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản số 23 /NQ-CNTS –HĐQT ngày 06/4/2021 v/v thông qua chương trình và các nội dung tài liệu tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Ban Kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định pháp luật thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát, như sau:

Ban kiểm soát sẽ đề xuất Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập; Ban kiểm soát thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu VT, BKS, T.ký Cty.



TỜ TRÌNH

**V/v thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản.

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản;

Căn cứ Nghị quyết phiên họp Hội đồng Quản trị thường kỳ Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản số 23 /NQ-HĐQT-CNTS ngày 06/4/2021 v/v thông qua chương trình và các nội dung tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021;

Thực hiện theo quy định mới tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính; Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản đã rà soát, sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo đúng quy định dành cho công ty đại chúng, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các quy định pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thảo luận thông qua toàn văn Điều lệ tổ chức và hoạt động được sửa đổi, bổ sung như bản dự thảo Điều lệ đính kèm Tờ trình.

Ủy quyền và giao Người đại diện pháp luật của Công ty ký ban hành theo đúng quy định tại Thông tư hướng dẫn số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính. Công bố bản Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi, bổ sung đã được Đại hội đồng cổ đông công ty thông qua ngày 29/4/2021 để Công ty thực hiện các thủ tục công bố thông tin theo quy định hiện hành, đồng thời đăng tải trên website chính thức của Công ty CP Công nghiệp Thủy sản <http://www.seameco.com.vn>

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, BKS, TK.Cty.



Trần Hữu Hạnh

TỜ TRÌNH

**V/v thông qua nội dung Quy chế nội bộ về quản trị công ty
của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản.

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị quyết phiên họp Hội đồng Quản trị thường kỳ Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản số 23/NQ-HĐQT-CNTS ngày 06/4/2021 v/v thông qua chương trình và các nội dung tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021;

Thực hiện theo quy định mới tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính; Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản đã soạn thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo đúng quy định dành cho công ty đại chúng, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các quy định pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thảo luận thông qua toàn văn bản nội dung bản dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty đính kèm Tờ trình.

Ủy quyền và giao Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty ký ban hành, công bố Quy chế nội bộ về quản trị công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/4/2021 và Công ty thực hiện các thủ tục công bố thông tin theo quy định hiện hành, đồng thời đăng tải trên website chính thức của Công ty <http://www.seameco.com.vn>

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, BKS, TK.Cty.



Trần Hữu Hạnh

TỜ TRÌNH

**V/v thông qua nội dung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản.

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị quyết phiên họp Hội đồng Quản trị thường kỳ Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản số 23 /NQ-HĐQT-CNTS ngày 06/4/2021 v/v thông qua chương trình và các nội dung tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021;

Thực hiện theo quy định mới tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính; Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản đã soạn thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty theo đúng quy định dành cho công ty đại chúng, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các quy định pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thảo luận thông qua toàn văn bản nội dung bản dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty đính kèm Tờ trình.

Ủy quyền và giao Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty ký ban hành, công bố Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/4/2021 và Công ty thực hiện các thủ tục công bố thông tin theo quy định hiện hành, đồng thời đăng tải trên website chính thức của Công ty CP Công nghiệp Thủy sản <http://www.seameco.com.vn>

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, BKS, TK.Cty.



Trần Hữu Hạnh

TỜ TRÌNH

**V/v thông qua nội dung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản.

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị quyết phiên họp Hội đồng Quản trị thường kỳ Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản số 23 /NQ-HĐQT-CNTS ngày 06/4/2021 v/v thông qua chương trình và các nội dung tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021;

Thực hiện theo quy định mới tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính; Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản đã soạn thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát công ty theo đúng quy định dành cho công ty đại chúng, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các quy định pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thảo luận thông qua toàn văn bản nội dung bản dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát công ty đính kèm Tờ trình.

Ủy quyền và giao Trưởng ban kiểm soát của Công ty ký ban hành, công bố Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/4/2021 và Công ty thực hiện các thủ tục công bố thông tin theo quy định hiện hành, đồng thời đăng tải trên website chính thức của Công ty <http://www.seameco.com.vn>

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, BKS, TK.Cty.



TỜ TRÌNH
Về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát
nhiệm kỳ 2019-2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty CP Công nghiệp Thủy sản.

Theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản, để đảm bảo nhân sự cho Ban kiểm soát (sau đây viết tắt “BKS”) thực hiện tốt công tác quản trị Công ty, Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên BKS nhiệm kỳ 2019 – 2023, cụ thể như sau:

1. Miễn nhiệm Thành viên BKS:

Ngày 06/4/2021, bà Vũ Thị Hồng Gấm – Thành viên BKS Công ty đã có Đơn từ nhiệm Thành viên BKS Công ty nhiệm kỳ 2019 – 2023 (đính kèm đơn từ nhiệm của bà Vũ Thị Hồng Gấm).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Thành viên BKS Công ty đối với Bà Vũ Thị Hồng Gấm.

2. Bầu bổ sung Thành viên BKS:

Do 01 Thành viên BKS đã có Đơn từ nhiệm Thành viên BKS nên để đảm bảo đủ số lượng Thành viên BKS (01 thành viên) theo quy định tại Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua việc bầu bổ sung 01 Thành viên BKS nhiệm kỳ 2019 – 2023 thay thế cho Thành viên BKS đã từ nhiệm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT, TK HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Trần Hữu Hạnh

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN



Dự thảo

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2021

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	2
PHẦN MỞ ĐẦU.....	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	7
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	9
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	10
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	10
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	10
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	12
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	16
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	21
Điều 22. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	24

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	26
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	28
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	28
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	30
Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty	30
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	31
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	31
Điều 34. Người điều hành Công ty	31
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	Error! Bookmark not def
IX. BAN KIỂM SOÁT	32
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....	32
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát	33
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát	33
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	34
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát	34
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	35
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	35
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	35
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	36
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	37
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	37
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	38
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn	38
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	38
Điều 46. Phân phối lợi nhuận.....	38
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	38
Điều 47. Tài khoản ngân hàng	38
Điều 48. Năm tài chính	39
Điều 49. Chế độ kế toán.....	39
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	39
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	39
Điều 51. Báo cáo thường niên.....	40
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	40

Điều 52. Kiểm toán	40
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	40
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp	40
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	40
Điều 54. Giải thể Công ty	40
Điều 55. Gia hạn hoạt động.....	41
Điều 56. Thanh lý.....	41
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	41
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ	41
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	42
Điều 58. Điều lệ Công ty.....	42
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	42
Điều 59. Ngày hiệu lực	42

**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản (sau đây viết tắt là “Công ty”) được thông qua theo Nghị quyết số...../2021/NQ-CNTS-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức chính thức vào ngày 29 tháng 4 năm 2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
- i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

- l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
- m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.

1. Tên Công ty.

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh:

SEAPRODUCTS MECHANICAL SHAREHOLDING COMPANY

- Tên Công ty viết tắt: **SEAMECO**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 244 đường Bùi Văn Ba, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại : 028.3872 9751

- Fax : 028. 3872 9749

- E-mail : seameco@seameco.vnn.vn

- Website : www.seameco.com.vn; www.seameco.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Số lượng người đại diện theo pháp luật là một (01) người. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Quyền tự do kinh doanh của Công ty

(Căn cứ Khoản 1, 2 Điều 7 của Luật Doanh nghiệp)

- a) Tự do kinh doanh ngành, nghề mà luật không cấm.
- b) Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh.

2. Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty:

- a) Đóng mới và sửa chữa các loại tàu thuyền vỏ thép, composite;
- b) Cung ứng dịch vụ cầu cảng;
- c) Cho thuê kho hàng, bến bãi, xếp dỡ hàng hóa.

3. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

Công ty được thành lập để duy trì và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực nhằm phát triển lĩnh vực công nghiệp thủy sản trong Ngành thủy sản và các lĩnh vực kinh doanh khác, thực hiện tốt các mục tiêu kinh tế của Nhà nước, tăng thêm việc làm và thu nhập cho người lao động, cổ tức cho cổ đông, đưa Công ty phát triển bền vững và hoàn thành nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp và Điều lệ này, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông

tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 42.000.000.000 đồng (bằng chữ: *Bốn mươi hai tỷ đồng*)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 4.200.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 15 kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 kể từ ngày thanh toán

đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là **07 ngày** kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy

quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là **03 ngày** làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, điện thoại...;
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng **không quá 06 tháng** kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn **30 ngày** kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3

Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn **30 ngày** tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

[Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.]

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ **35%** tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên **10%** tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ **35%** tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- q) Quyết định mua lại trên **10%** tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn **35%** tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện **từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên** của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ **75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên** tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ **75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên** tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu **1/3** giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn **30 ngày** tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. **Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;**

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà

nước, Sổ giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. **Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp** (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ **5%** cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ **33%** tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn **20 ngày** kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

- c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
- d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá **03 ngày** làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ **65%** tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ **35%** tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- e) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên **50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng **100%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất **10 ngày** trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn **15 ngày**, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong **thời hạn 24 giờ**, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên **50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn **90 ngày** kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu **10 ngày trước ngày khai mạc** họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **5%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là **05** người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá **05 năm** và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá **02** nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu **1/3** tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ **35%** tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- 1.** Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2.** Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
- 3.** Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- 4.** Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- 5.** Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát

sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn **10 ngày** kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn **07 ngày** làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng

quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn **01 người** trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn **07 ngày** kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là **01 giờ** trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là **03 người** bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất **01 người** phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.

Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm **01** thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá **05 năm** và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là **03 người**. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá **05 năm** và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định tại của pháp luật và Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng **48 giờ**, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp **ít nhất 02 lần** trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban

kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị,

Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng **20%** tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn **20%** hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ **20%** trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng

giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **[05%]** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam/ Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý (áp dụng trong trường hợp công ty niêm yết, hoặc trở thành công ty đại chúng quy mô lớn) theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

- 1.** Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất **7 tháng** trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
- 2.** Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ **65%** trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

- 1.** Tối thiểu **06 tháng** trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
- 2.** Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
- 3.** Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

- 1.** Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng **06 tuần** từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản nhất trí thông qua ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại Đại hội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2021

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG.....	
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và nguyên tắc áp dụng	7
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt	7
CHƯƠNG 2 – QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	
Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 3. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	8
Mục 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:.....	
Điều 5. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông.....	9
Điều 6. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.....	10
Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 9. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 10. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 11. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 12 Điều kiện tiến hành.....	14
Điều 13. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 14. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết.....	18
Điều 15. Cách thức bỏ phiếu bầu cử	18
Điều 16. Cách thức kiểm phiếu.....	19
Điều 17. Điều kiện để Nghị quyết được thông qua	20
Điều 18. Thông báo kết quả kiểm phiếu	20
Điều 19. Cách thức phản đối Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 20. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 21. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	22

Mục 3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:.....	
Điều 22. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản	22
Điều 23. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	233
Mục 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến	24
Điều 24. Hợp Đại hội đồng cổ đông với hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến	24
CHƯƠNG 3 – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị).....	25
Điều 25. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	25
Điều 26. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 27. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	27
Mục 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:.....	27
Điều 28. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 29. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị.....	27
Điều 30. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị.....	28
Điều 31. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 32. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 33. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	29
Điều 34. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	30
Điều 35. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị	30
Điều 36. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	31
Mục 3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	31
Điều 37. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	31
Mục 4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:.....	

Điều 38. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm	32
Điều 39. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường.....	33
Điều 40. Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định)	33
Điều 41. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát.....	34
Điều 42. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	34
Điều 43. Cách thức biểu quyết.....	34
Điều 44. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị.....	35
Điều 45. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị.....	35
Điều 46. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị.....	35
Điều 47. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	366
Điều 48. Thông báo Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị	36
Mục 5. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	36
Điều 49. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	36
Mục 6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty bao gồm những nội dung chính sau đây:	
Điều 50. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty	37
Điều 51. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	37
Điều 52. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	37
Điều 53. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	38
Điều 54. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty	38
CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT	
Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	
Điều 55. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên.....	38
Điều 56. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	39
Điều 57. Trách nhiệm của Kiểm soát viên.....	39
Điều 58. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	40
Mục 2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát bao gồm các nội dung chính sau đây	

Điều 59. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát	40
Điều 60. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát	41
Điều 61. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	41
Điều 62. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Kiểm soát viên	42
Điều 63. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát	42
Điều 64. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	42
Điều 65. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	43
Điều 66. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát	43
CHƯƠNG 5 – TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	43
Điều 67. Tổ chức bộ máy quản lý Công ty	43
Điều 68. Người điều hành Công ty	43
Điều 69. Trách nhiệm của người quản lý Công ty	44
Mục 1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc	44
Điều 70. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc	44
Mục 2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc	45
Điều 71. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc	45
Điều 72. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc	45
Điều 73. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc	46
Điều 74. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc	46
Điều 75. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc	46
Điều 76. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc	46
Mục 3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với người điều hành Công ty khác	47
Điều 77. Tiêu chuẩn và điều kiện của Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng	47
Điều 78. Việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành Công ty khác	47
Điều 79. Ký hợp đồng lao động với người điều hành Công ty khác	48
Điều 80. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành Công ty khác	48
Điều 81. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Công ty khác	48

CHƯƠNG 6 – QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Điều 82. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc..... 49**
- Điều 83. Thông báo Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát..... 49**
- Điều 84. Thông báo Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng giám đốc 49**
- Điều 85. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị 49**
- Điều 86. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao..... 50**
- Điều 87. Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc 50**
- Điều 88. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát 50**
- Điều 89. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên..... 51**

CHƯƠNG 7 – QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

- Điều 90. Quy định về việc đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác 52**
- Điều 91. Khen thưởng..... 54**
- Điều 92. Kỷ luật..... 54**

CHƯƠNG 8 – SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Điều 93. Bổ sung và sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty 54**

CHƯƠNG 9 – HIỆU LỰC THI HÀNH..... 54

- Điều 94. Ngày hiệu lực..... 54**

Tp.HCM, ngày 29 tháng 4 năm 2021

Dự thảo

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản đã được Đại hội cổ đông thông qua ngày 29/04/2021;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản số/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 04 năm 2021,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản (sau đây viết tắt là Công ty) ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và nguyên tắc áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan khác.

3. Trường hợp quy định nội bộ về quản trị tại Quy chế này khác với Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty thì thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

2. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;

3. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;

4. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

5. Công ty: là Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản;

6. Thành viên Ban kiểm soát hay còn gọi là “Kiểm soát viên”;

7. VSD: là Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;

8. Đại biểu: là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền);

9. Đại hội: Phiên họp Đại hội đồng cổ đông;

10. TVLK: Thành viên lưu ký;

11. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

12. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

13. Phiếu biểu quyết: Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết (Điểm a Khoản 1 Điều 115 Luật Doanh nghiệp);

14. Người phụ trách quản trị Công ty: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

CHƯƠNG 2 – QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 3. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 138 Luật Doanh nghiệp; Khoản 1 Điều 14 Điều lệ Công ty)

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp; Khoản 1 Điều 15 Điều lệ Công ty)

Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ **35%** tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên **10%** tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

Mục 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:

Điều 5. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 139, 140 Luật Doanh nghiệp; Điều 14 Điều lệ Công ty)

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 6. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp

(Căn cứ quy định tại Điều 141 Luật Doanh nghiệp; Điều 18 Điều lệ Công ty)

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

1. Hội đồng quản trị tổ chức họp và ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội. Nghị quyết Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông với VSD theo đúng quy định.

Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 140, Khoản 1 Điều 141, 143 Luật Doanh nghiệp; Điều 18 Điều lệ Công ty)

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Điều 5 Quy chế này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

d) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

đ) Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

g) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

h) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ

đồng phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- đ) Dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 9. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại 142 Luật Doanh nghiệp; Khoản 4, 5, 6 Điều 18 Điều lệ Công ty)

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 2 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 10. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp; Điều 16 Điều lệ Công ty)

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 11. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp; Khoản 1 Điều 20 Điều lệ Công ty)

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.

b) Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Điều 10 Quy chế này; (Trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết được ủy quyền cho mỗi đại diện).

- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

- Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với qui định của pháp luật;

- Công ty cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông:

a) Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến giờ khai mạc cuộc họp đã ghi tại thông báo mời họp;

b) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

c) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 12 Điều kiện tiến hành

(Căn cứ quy định tại 145 Luật Doanh nghiệp, Điều 19 Điều lệ Công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện **trên 50%** tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi **(30)** ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ **33%** tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi ngày **(20)** ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 13. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 20 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; Điều 20, Khoản 2, 3 Điều 15 Điều lệ Công ty)

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự quy định tại Khoản 2 Điều 11 của Quy chế này và Điều lệ Công ty.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa Điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa Điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa Điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật

Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

11. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ **35%** tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn **35%** tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

12. Tất cả các Nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ/ bỏ phiếu trực tiếp/ bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết đề Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

- Chủ tọa đề xuất các hình thức biểu quyết đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình để Đại hội thông qua.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

a) Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/ Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến và Không hợp lệ.

b) Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

Điều 15. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

2. Bỏ phiếu bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Tổng số phiếu bầu của mỗi đại biểu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cổ phần cá nhân sở hữu và cổ phần được ủy quyền đại diện) nhân với số lượng thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Ban kiểm soát được bầu bổ sung.

- Đại biểu tham dự có quyền sử dụng hoặc không sử dụng một phần hoặc dồn hết dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu) hoặc đại biểu ghi thêm tên của ứng viên vào Phiếu bầu cử theo yêu cầu của Chủ tọa Đại hội;

- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp phiếu cũ;

- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

- + Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu;

- + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu bầu cho một ứng viên, đại biểu ghi toàn bộ số phiếu cho ứng viên tương ứng;

- + Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

- Nguyên tắc trúng cử:

- + Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

- + Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

- + Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

Điều 16. Cách thức kiểm phiếu

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/ Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến và Không hợp lệ.

2. Theo hình thức biểu quyết bằng phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử, cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách thu phiếu bầu cử /phiếu biểu quyết và kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

3. Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 17. Điều kiện để Nghị quyết được thông qua

(Căn cứ quy định tại Điều 148 Luật Doanh nghiệp; Điều 21 Điều lệ Công ty)

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện **từ 65%** tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được chào bán;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản của Công ty hoặc chi nhánh có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- e) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

2. Các Nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu **trên 50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 1 Điều này và Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng **100%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua Nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày (15) ngày kể từ ngày thông qua; việc gửi Nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 18. Thông báo kết quả kiểm phiếu

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng nội dung. Kết quả kiểm phiếu sẽ được công bố trước Đại hội đồng cổ đông trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 19. Cách thức phản đối Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại 151 Luật Doanh nghiệp; Điều 24 Điều lệ Công ty)

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp;

2. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 20. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại 150 Luật Doanh nghiệp; Điều 23 Điều lệ Công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 21. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại 152 Luật Doanh nghiệp; Điều 21 Điều lệ Công ty)

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại Nghị quyết đó.

2. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua Nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Biên bản họp, Nghị quyết và tài liệu kèm theo trong Biên bản, Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, Nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ Nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Mục 3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:

Điều 22. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

(Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp, Khoản 1 Điều 22 Điều lệ Công ty)

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp. Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b) Định hướng phát triển Công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

Điều 23. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

(Căn cứ quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty)

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười lăm (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua Nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

7. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Mục 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Điều 24. Hợp Đại hội đồng cổ đông với hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Công ty sẽ áp dụng theo các quy định hiện hành và Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Quy chế làm việc phiên họp áp dụng hình thức đó.

CHƯƠNG 3 – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị)

Điều 25. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 153 Luật Doanh nghiệp, Điều 27 Điều lệ Công ty)

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị **từ 35%** tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

Điều 26. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các trách nhiệm, nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;

2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;

3. Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy định nội bộ của Công ty;

4. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty;

5. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.

6. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;

7. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty;
8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị Công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty;
9. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Điều 27. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp)

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Mục 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

Điều 28. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 154 Luật Doanh nghiệp; Điều 26 Điều lệ Công ty)

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 29. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp; Điều 26 Điều lệ Công ty; Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

1. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

2. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác; Thành viên Hội đồng quản trị của công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp như Công ty và công ty con của Công ty thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Công ty.

Điều 30. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Khoản 2,3,4 Điều 25 Điều lệ Công ty)

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **5%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

Điều 31. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 274 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Khoản 1 Điều 25 Điều lệ công ty)

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu **10 ngày** trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Điều 32. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định Điều 15 Quy chế này)

1. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 15 Quy chế này.
2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 33. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp; Khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty)

1. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế do các trường hợp sau:
 - a) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện, tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b) Có đơn từ chức và được Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d) Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - đ) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thay thế thành viên Hội đồng quản trị khi xét thấy cần thiết; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);

b) Trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 34. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 26 Điều lệ Công ty)

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty; theo trình tự và quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 35. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị hoặc các đối tượng khác theo quy định tại Điều 5 Quy chế này triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 30, 31, 32 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Điều 34 và Điều 35 Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử ...

3. Hội đồng quản trị tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:

a) Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3, điều này;

b) Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;

c) Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

Điều 36. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 156 Luật Doanh nghiệp; Điều 29 Điều lệ Công ty)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Mục 3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 37. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 163 Luật Doanh nghiệp, Điều 28 Điều lệ Công ty)

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một Khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các Khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Mục 4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

Điều 38. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp; Điều 30 Thông tư số 116/2020/TT-BTC; Khoản 1, 2 Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Quy định chung về cuộc họp Hội đồng quản trị

a) Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể có thể họp bất thường theo trình tự được quy định tại Điều lệ Công ty. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

b) Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp, Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Quy định về cuộc họp đầu tiên

Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 39. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp; Điều 30 Thông tư 116/2020/TT-BTC; Khoản 3, 4, 5 Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Quy định về cuộc họp định kỳ và bất thường:

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hiện hành (nếu có).

3. Đề nghị quy định tại Khoản 2 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 40. Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định)

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp; Điều 30 Thông tư 116/2020/TT-BTC; Khoản 6 Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và

quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

Điều 41. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp; Điều 30 Thông tư 116/2020/TT-BTC; Khoản 7 Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 42. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp; Điều 30 Thông tư 116/2020/TT-BTC; Khoản 8 Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp;

3. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 43. Cách thức biểu quyết

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp; Điều 30 Thông tư 116/2020/TT-BTC; Khoản 9, 10 Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Điều 44. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp; Điều 30 Thông tư 116/2020/TT-BTC; Khoản 12 Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra Nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 45. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp; Điều 30 Thông tư 116/2020/TT-BTC; Khoản 11 Điều 30 Điều lệ công ty)

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 46. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp)

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

c) Thời gian, địa điểm họp;

d) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

đ) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

g) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

h) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

i) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

k) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

2. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị I có trách nhiệm gửi Nghị quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

Điều 47. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp)

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, e, g và h của Khoản 1 Điều 46 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực.

Điều 48. Thông báo Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp)

1. Sau khi ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của hiện hành.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Mục 5. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 49. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty)

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Mục 6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty bao gồm những nội dung chính sau đây:

Điều 50. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty

(Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 32 Điều lệ Công ty)

Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty:

- a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
- c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý doanh nghiệp, có hiểu biết về pháp luật;
- d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 51. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 32 Điều lệ Công ty)

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

Điều 52. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

1. Người phụ trách quản trị Công ty bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 50 của Quy chế này hoặc bị luật pháp hiện hành cấm không cho đảm nhiệm;
- b) Có đơn từ chức và được Hội đồng quản trị chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị thay thế Người phụ trách quản trị Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 53. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 54. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 32 Điều lệ Công ty)

Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT

Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

Điều 55. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Điều 287 Nghị định 155/2020/NĐ-CP)

1. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người

điều hành doanh nghiệp khác của Công ty có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.

2. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Công ty có thể hướng dẫn quy định về hoạt động và thực thi nhiệm vụ của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 56. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp; Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; Điều 39 Điều lệ Công ty)

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 57. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Điều 173 Luật Doanh nghiệp)

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 58. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp)

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Mục 2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát bao gồm các nội dung chính sau đây

Điều 59. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 168 Luật Doanh nghiệp; Khoản 1 Điều 37 và Điều 38 Điều lệ Công ty)

1. Số lượng Ban kiểm soát của Công ty là từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 60. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp; Khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty)

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.
- đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 61. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ

chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 62. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Kiểm soát viên

Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại Điều 31 Quy chế này.

Điều 63. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp; Điều 18 Điều lệ Công ty)

1. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí Quy chế bầu cử.

2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu Kiểm soát viên có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty.

Điều 64. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 169, Điều 174 Luật Doanh nghiệp; Khoản 3, 4 Điều 37 Điều lệ Công ty)

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Các trường hợp khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 65. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 66. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp; Điều 41 Điều lệ Công ty)

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG 5 – TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 67. Tổ chức bộ máy quản lý Công ty

(Căn cứ quy định tại Điều 33 Điều lệ Công ty)

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 68. Người điều hành Công ty

(Căn cứ quy định tại Điều 34 Điều lệ Công ty)

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và Quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 69. Trách nhiệm của người quản lý Công ty

(Căn cứ quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp)

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;

đ) Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Mục 1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

Điều 70. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

(Căn cứ quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp; Khoản 2, 4 Điều 35 Điều lệ Công ty)

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

Mục 2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc

Điều 71. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc

(Căn cứ quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp; Khoản 3 Điều 35 Điều lệ Công ty)

1. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm **(05)** năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý doanh nghiệp;

c) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Điều 72. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp; Khoản 1 Điều 35 Điều lệ Công ty)

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Các hình thức ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc tuân thủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Điều 73. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp; Khoản 1 Điều 35 Điều lệ Công ty)

1. Việc bổ nhiệm Tổng giám đốc tuân thủ theo quy định tại Khoản 1 Điều 72 Quy chế này.

2. Thẩm quyền ký kết và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại Điểm i Khoản 2 Điều 27 và Điều 34 Điều lệ Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền sẽ ký kết hợp đồng lao động với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác.

3. Hội đồng quản trị có thể xem xét đưa vào thêm các điều khoản và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác.

Điều 74. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc

(Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp, Khoản 5 Điều 35 Điều lệ Công ty)

1. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

2. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và Điều 71 Quy chế này;

3. Có đơn xin nghỉ việc;

4. Các đối tượng không được tham gia quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 75. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 76. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc

(Căn cứ quy định tại Điều 163 Luật Doanh nghiệp; Khoản 3, 4 Điều 34 Điều lệ Công ty)

1. Công ty có quyền trả lương, thưởng cho Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Mục 3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với người điều hành Công ty khác

Điều 77. Tiêu chuẩn và điều kiện của Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

(Căn cứ quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp; Điều 51, 52, 54 Luật kế toán số 88/2015/QH13, Điều 19 Nghị định số 174/2016/NĐ-CP)

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Phó Tổng giám đốc:

- a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý doanh nghiệp;
- c) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kế toán trưởng:

- a) Không thuộc đối tượng những người bị cấm đảm nhiệm công tác kế toán quy định tại Điều 52 Luật Kế toán số 88/2015/QH13 và Điều 19 Nghị định 174/2016/NĐ-CP;
- b) Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;
- c) Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ Đại học trở lên;
- d) Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng;
- đ) Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là hai (02) năm.
- e) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Điều 78. Việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

(Căn cứ quy định tại Điều 33, 34 Điều lệ Công ty)

Việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng:

a) Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và Quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm đề hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

b) Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng lao động với những người

điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 79. Ký hợp đồng lao động với người điều hành Công ty khác

Căn cứ thực hiện theo quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 73 Quy chế này.

Điều 80. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành Công ty khác

Căn cứ thực hiện theo quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều 74 Quy chế này.

Điều 81. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Công ty khác

Căn cứ thực hiện theo quy định tại Điều 75 Quy chế này.

CHƯƠNG 6 – QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc, gồm các nội dung chính sau đây

Điều 82. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp Hội đồng quản trị được quy định tại Mục 4 Chương 3 Quy chế này.

Điều 83. Thông báo Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát

Nghị quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 84. Thông báo Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng giám đốc

Nghị quyết Hội đồng quản trị (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 85. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 157 Luật Doanh nghiệp, Khoản 3 Điều 30 Thông tư 116/2020/TT-BTC, Khoản 3 Điều 30, Khoản 5 Điều 39 Điều lệ Công ty)

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị

a) Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

+ Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty;

+ Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 5 Điều 39 Điều lệ Công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

b) Tổng giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

+ Khi xét thấy các quyền của Tổng giám đốc theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty không được thực thi;

+ Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

2. Những vấn đề Tổng giám đốc cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:

a) Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

b) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

c) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo Quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

d) Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;

đ) Xin ý kiến Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính hàng năm;

e) Chuẩn bị các bản kế hoạch dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản kế hoạch) phục vụ cho hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản kế hoạch hàng năm cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các Quy chế của Công ty.

g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

h) Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.

Điều 86. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

(Căn cứ quy định tại Phụ lục 4 Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Khoản 4 Điều 35 Điều lệ công ty)

1. Báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
3. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

Điều 87. Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Tổng giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 86 Quy chế này, Hội đồng quản trị sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc.

Điều 88. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 291 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Điều 35, Khoản 3 Điều 42 Điều lệ Công ty)

1. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị
 - a) Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
 - b) Kế hoạch cho từng năm tài chính phải được Tổng giám đốc trình đề Hội đồng quản trị thông qua;
 - c) Tổng giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, những người điều hành khác và/hoặc với những người có liên quan của các đối tượng đó theo quy định của pháp luật;
 - d) Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.
2. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Ban kiểm soát

a) Tổng giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với Ban kiểm soát nhằm đảm bảo Ban kiểm soát thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

b) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

c) Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 89. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

(Căn cứ quy định tại Điều 170, Điều 171 Luật Doanh nghiệp, Khoản 1 Điều 287, Điều 288, Khoản 2 Điều 289 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Điều 39, Điều 42 Điều lệ Công ty)

1. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị: Ban kiểm soát có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:

a) Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

b) Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị (cùng lúc yêu cầu cả Tổng giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên cần làm rõ;

c) Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan Điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

d) Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị và những người quản lý khác, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

đ) Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì Ban kiểm soát phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;

e) Các nội dung kiến nghị đến Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

2. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng giám đốc: Ban kiểm soát có chức năng kiểm tra và giám sát.

a) Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên cần làm rõ;

b) Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan Điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

c) Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của Tổng giám đốc và những người điều hành khác, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Tổng giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

d) Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

đ) Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của Ban kiểm soát phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi. Ban kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

e) Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh Công ty của Ban kiểm soát phải được gửi đến Tổng giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị: Tổng giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

a) Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

b) Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị ít nhất là mười (10) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi Hội đồng quản trị;

c) Chuẩn bị các bản kế hoạch dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản kế hoạch) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản kế hoạch hàng năm cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các Quy chế của Công ty;

d) Tổng giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Tổng giám đốc nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, những người quản lý khác và/hoặc với những người có liên quan tới các thành viên đó theo quy định của pháp luật;

đ) Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 85 Quy chế này, Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là mười (10) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG 7 – QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 90. Quy định về việc đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.

2. Hàng năm, căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chức năng, nhiệm vụ được phân công, Ban kiểm soát tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên Ban kiểm soát.

3. Kết quả đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông.

4. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 91. Khen thưởng

1. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 90 của Quy chế này.

2. Đối tượng: các cá nhân theo chế độ khen thưởng do Hội đồng quản trị quy định.

3. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty) hoặc các hình thức khác do Hội đồng quản trị xây dựng cho phù hợp vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từng năm. Các hình thức khen thưởng sẽ do Hội đồng quản trị phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

5. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp khác: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng giám đốc sẽ đề xuất Hội đồng quản trị phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 92. Kỷ luật

1. Hình thức kỷ luật cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 8 – SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 93. Bổ sung và sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG 9 – HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 94. Ngày hiệu lực

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty bao gồm 09 chương 94 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 04 năm 2021.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Hữu Hạnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Tp.HCM, ngày ... tháng 4 năm 2021

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
Chương I – QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	3
Chương II – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	3
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	3
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị	4
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	6
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	7
Chương III – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	8
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	8
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch với các bên có liên quan của Công ty	9
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	10
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị	10
Chương IV – CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị	11
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị	12
Chương V – BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH.....	13
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm	13
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	14
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan	14
Chương VI – MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	15
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	15
Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành.....	15
Điều 22. Mối quan hệ với Ban kiểm soát.....	15
Chương VII – ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	16
Điều 23. Hiệu lực thi hành	16

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản đã được Đại hội cổ đông thông qua ngày 29/04/2021;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản số ... /2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 04 năm 2021,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công Nghiệp Thủy sản (sau đây viết tắt là Công ty) ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản, bao gồm các nội dung sau:

Chương I – QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty, các cá nhân và tổ chức có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Ban điều hành tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, những người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có **05** thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá **05** năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký Hội đồng quản trị Công ty, Thư ký Hội đồng quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại Điều a Khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **5%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều lệ Công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của

Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị **từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên** được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác theo thẩm quyền được quy định tại Quy chế Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn đầu tư của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội tại doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch với các bên có liên quan của Công ty

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác quy định tại Điều lệ Công ty và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời

hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành

viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Chương IV – CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;

- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V – BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các Khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công

ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI – MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII – ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công Nghiệp Thủy sản bao gồm 7 chương, 23 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản chính thức thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng 4 năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Tp.HCM, ngày tháng 4 năm 2021

MỤC LỤC

MỤC LỤC	0
Chương I – QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.....	3
Chương II – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)	3
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.....	3
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát	3
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát	4
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	5
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	5
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	6
Chương III – BAN KIỂM SOÁT	6
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.....	6
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	8
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.....	9
Chương IV – CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	9
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	9
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát	9
Chương V – BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	10
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm.....	10
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác	10
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan	11
Chương VI – MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	11
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	11
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành.....	12
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....	12
Chương VII – ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	12
Điều 22. Hiệu lực thi hành.....	12

Dự thảo:

Tp.HCM, ngày tháng 4 năm 2021

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản đã được Đại hội cổ đông thông qua ngày 29/04/2021;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản số/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 04 năm 2021,

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản (sau đây viết tắt là Công ty) ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty;

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản bao gồm các nội dung sau:

Chương I – QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban điều hành, các cá nhân và tổ chức có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có **03** thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá **05 năm** và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
- g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát Công ty đại chúng theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và Công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát, việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III – BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại Khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV – CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V – BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI – MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII – ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Công nghiệp Thủy sản bao gồm 07 Chương, 22 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng 4 năm 2021.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Võ Quốc Việt